

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4603000202 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2005 và đăng ký lại lần thứ 1, ngày 01/07/2008)

## BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2011.)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX (BECAMEX PHARMA)**  
Địa chỉ : Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, Bình Dương  
Điện thoại: 0650.3553326 Fax: 0650.3559899
- CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT**  
Địa chỉ : Số 9, Hoàng Văn Thụ, Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
Điện thoại: 0650. 3832614-3832615 Fax: 0650. 3832616  
Email: [ctydenhat@vnn.vn](mailto:ctydenhat@vnn.vn) Website: [becamexfsc@com.vn](http://becamexfsc@com.vn)
- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**  
Địa chỉ : Số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 05, Tp. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 08.38552023 Fax: 08.38537932
- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT TẠI TP. HÀ NỘI**  
Địa chỉ : Tầng 3, Số 81 – 83 Phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội  
Điện thoại: 04.39728302/39728303 Fax: 04.39728301

Phụ trách công bố thông tin: Bà: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Số điện thoại: 0650.3553326

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

(Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 3700683163 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch & Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010)

### PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Dược Becamex**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Giá bán dự kiến:
  - **Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu**
  - **Cán bộ chủ chốt của công ty: 10.000 đồng/cổ phiếu**
- Tổng số lượng chào bán: **8.380.000 cổ phiếu**
  - Trong đó:
    - **Cổ đông hiện hữu: 8.040.800 cổ phiếu**
    - **Cán bộ chủ chốt của công ty: 339.200 cổ phiếu**

#### Tổ chức Kiểm toán:

**Công ty TNHH BDO Việt Nam**

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ : 04 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: 08 2200237 Fax: 08 2200265

Email: [bdoafc.hcmc@bdo.vn](mailto:bdoafc.hcmc@bdo.vn)

#### Tổ chức Tư vấn:

**Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất**

**Trụ sở chính :**

Số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương

Tel : 0650 - 3832615 Fax : 0650 – 3832616

Website : [www.becamexfsc.com.vn](http://www.becamexfsc.com.vn) Email : [ctydenhat@hcm.vnn.vn](mailto:ctydenhat@hcm.vnn.vn)

**Chi nhánh tại Tp.HCM:**

Địa chỉ: Số 521 Hồng Bàng, P. 14, Q.5, Tp.HCM

Tel: 08.38537923 Fax: 08.38537932

**Chi nhánh tại Tp. Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 3, Số 81-83 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Tel: 04.39728302 Fax: 04.39728301

## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b><i>Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.....</i></b>	<b>6</b>
	1. Rủi ro về kinh tế.....	6
	2. Rủi ro về luật pháp.....	6
	3. Rủi ro về kinh doanh.....	6
	4. Rủi ro của đợt chào bán.....	7
	5. Rủi ro khác.....	9
<b>II.</b>	<b><i>Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch.....</i></b>	<b>9</b>
	1. Tổ chức phát hành.....	9
	2. Tổ chức tư vấn.....	9
<b>III.</b>	<b><i>Các khái niệm.....</i></b>	<b>10</b>
<b>IV.</b>	<b><i>Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành.....</i></b>	<b>10</b>
	1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
	2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	12
	3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	13
	4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	14
	5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành.....	15
	6. Hoạt động kinh doanh.....	18
	6.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm.....	18
	6.2. Doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.....	19
	6.3. Nguyên vật liệu.....	20
	6.4. Chi phí sản xuất.....	20
	6.5. Trình độ công nghệ.....	21

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	24
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	24
6.8. Hoạt động Marketing.....	24
6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết .....	26
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	27
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của công ty trong 2 năm gần nhất.....	27
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo .....	27
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	28
9. Chính sách đối với người lao động.....	29
10. Chính sách cổ tức .....	30
11. Tình hình tài chính .....	31
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	33
13. Tài sản.....	41
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	42
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	43
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	43
<b>V. Cổ phiếu chào bán.....</b>	<b>43</b>
1. Loại cổ phiếu.....	43
2. Mệnh giá .....	43
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	43
4. Hướng xử lý trong trường hợp đợt phát hành không thành công.....	45
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	45
6. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	45

---

7. Các loại thuế có liên quan .....	45
8. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	46
<b>VI. Mục đích chào bán .....</b>	<b>46</b>
<b>1. Mục đích chào bán .....</b>	<b>46</b>
<b>2. Phương án khả thi.....</b>	<b>46</b>
<i>Dự án dây chuyền sản xuất viên nang mềm .....</i>	<i>46</i>
<b>VII. Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành.....</b>	<b>49</b>
<b>VIII. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....</b>	<b>52</b>
<b>IX. Phụ lục.....</b>	<b>53</b>

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng hàng năm là thước đo sự phát triển của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng riêng của các ngành nghề. Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là phát triển tốt với tốc độ tăng trưởng từ năm 2003 đến 2010 lần lượt là 7,23%, 7,7%, 8,4%, 8,17%, 8,48%, 6,23%, 5,32% và 6,7%. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế như trên, đời sống vật chất và nhu cầu chăm lo sức khỏe của người dân trong xã hội sẽ ngày càng được nâng cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung và ngành công nghiệp Dược Việt Nam nói riêng trong đó có Công Ty Cổ Phần Dược Becamex.

Với việc Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào cuối năm 2006 sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất Dược Phẩm có thể chủ động đổi mới công nghệ sản xuất, mở rộng liên doanh liên kết với các Công ty dược nước ngoài, xây dựng hệ thống phân phối, chuyên nghiệp hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh để có thể phát triển và đáp ứng được nhu cầu về các sản phẩm dược trong nước.

Với mức tăng trưởng bình quân của riêng ngành dược là 18%-20% /năm và hiện trạng 60% nguồn tân dược phải nhập khẩu hàng năm trong lúc mức chi tiêu thuốc bình quân đầu người ở Việt Nam hiện nay còn thấp thì tiềm năng phát triển của ngành dược phẩm Việt Nam là rất lớn.

Vì vậy, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của công ty.

#### 2. Rủi ro về luật pháp:

Là công ty cổ phần đại chúng hoạt động tại Việt nam, công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2005, luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ngoài ra là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược: Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Dược số 34/2005/QH11, trong hoạt động kinh doanh: Việc nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các chính sách thuế xuất nhập khẩu, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ưu đãi đầu tư. Vì vậy khi các văn bản luật này thay đổi sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

#### 3. Rủi ro kinh doanh:

##### 3.1 Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:

Hiện nay, trên 90% nguyên vật liệu sản xuất thuốc được nhập từ nước ngoài do nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của công ty.

Tuy nhiên, do thị trường cung cấp nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm rất phong phú và đa dạng, qua các phương tiện thông tin, tư vấn, chào hàng. Công ty có thể chủ động tìm kiếm và tạo mối quan hệ vững chắc với các nhà cung cấp nguyên liệu để có nguồn hàng ổn định và đảm bảo chất lượng. Mặt khác, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó công ty có thể tăng giá bán ra tăng doanh thu và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của công ty.

### **3.2 Rủi ro tỷ giá hối đoái:**

Do nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá.

Trong thời gian qua, với chính sách điều hành tỷ giá của nhà nước, nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh như USD, EUR..... Tương đối ổn định, mức giao động tỷ giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy hoạt động xuất nhập khẩu của công ty không bị ảnh hưởng nhiều do biến động tỷ giá.

### **3.3 Rủi ro về lãi suất:**

Lãi suất cho vay tăng sẽ làm tăng chi phí lãi vay và làm giảm lợi nhuận của công ty. Thông thường, nguồn vốn dài hạn chủ yếu dựa vào vốn chủ sở hữu, được dùng đầu tư cho tài sản cố định và nguồn vay ngắn hạn nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của vốn lưu động. Công ty đang tích cực thực hiện việc tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu để giảm tỷ lệ nợ vay trong tổng nguồn vốn hoạt động của công ty.

### **3.4 Rủi ro và hàng giả hàng nhái.**

Hiện nay, hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường, đây là một thực tế đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Ngày 30 tháng 09 năm 2006 Bộ Y tế đã ra quyết định về việc ban hành qui chế bảo mật dữ liệu đối với các hồ sơ đăng ký thuốc. Luật sở hữu trí tuệ ra đời cùng với quyết định nêu trên, sẽ góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái và lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành Dược.

### **3.5 Rủi ro ngành:**

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dược ngày càng nhiều, làm tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa.

Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ hàng rào thuế quan, sẽ thu hút sự tham gia của các công ty hoạt động trong lĩnh vực dược từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước, về giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm.

## **4. Rủi ro của đợt chào bán:**

4.1. Rủi ro chào bán không thành công: Đợt phát hành tăng vốn điều lệ lần này với đối tượng chào bán là cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt của công ty, với giá chào bán bằng mệnh giá. Vì thế, rủi ro của việc chào bán không thành công có thể xem là không lớn. Trong phương án chào bán, công ty đã đưa ra kế hoạch xử lý số cổ phần không được chào bán và phân phối hết (nếu có) cho cán bộ công nhân viên công ty.

Trong trường hợp những đối tượng nêu trên không thực hiện mua hết số lượng cổ phần phát hành, công ty sẽ tiến hành phân phối cho đối tượng khác thông qua tổ chức tư vấn (Công ty Chứng khoán Đệ Nhất) chào bán tiếp số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết nhằm đảm bảo cho đợt phát hành 8.380.000 cổ phiếu của công ty được thành công. Do đó, rủi ro về đợt phát hành không thành công xem là có nhưng không lớn.

#### 4.2. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành hiện nay của công ty là 4.040.000 cổ phiếu. Sau khi thực hiện chào bán cổ phiếu phát hành thêm 8.380.000 cổ phiếu (trong đó: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1: 2 với giá bằng mệnh giá và phát hành 339.200 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt công ty với giá bằng mệnh giá) thì dự kiến số lượng cổ phiếu đang lưu hành sẽ tăng lên 12.420.000 cổ phiếu. Giá thị trường cổ phiếu của công ty có thể sẽ điều chỉnh giảm tương ứng với tỷ lệ tăng thêm.

Việc điều chỉnh về mặt kỹ thuật tại ngày giao dịch không hưởng quyền phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1: 2 sẽ được thực hiện theo công thức sau:

$$P_{TC} = \frac{P * Q + Q1 * P1}{Q + Q1} = \frac{P * 4.040.000 + 8.080.000 * 10.000}{4.040.000 + 8.080.000}$$

Trong đó:

$P_{TC}$ : Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

P: Giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền kề trước ngày giao dịch không hưởng quyền phát hành thêm cổ phiếu.

P1: Giá phát hành cổ phiếu mới.

Q: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành thêm.

Q1: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm.

Giả sử tại ngày giao dịch liền kề trước ngày giao dịch không hưởng quyền (phát hành thêm cổ phiếu mới với tỷ lệ 1: 2, giá phát hành 10.000đồng/01 cổ phiếu), giá thị trường cổ phiếu của công ty là 12.000 đồng/01 cổ phiếu thì giá tham chiếu ( $P^*$ ) tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 10.667đồng/01 cổ phiếu.

Do việc pha loãng giá cổ phiếu từ việc phát hành thêm cổ phiếu mới với tỷ lệ 1 : 2, giá thị trường cổ phiếu của công ty được điều chỉnh từ 12.000đồng/01 cổ phiếu xuống còn 10.667đồng/01 cổ phiếu (điều chỉnh giảm 1.333đồng/01 cổ phiếu).

#### 4.3. Rủi ro của phương án sử dụng số tiền thu được của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán:



Tổng số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành chủ yếu phục vụ cho 02 mục đích là: Đầu tư dây chuyền sản xuất viên nang mềm (13.420.000.000 đồng) và tái cấu trúc tình hình tài chính của công ty (70.380.000.000 đồng).

Đối với tái cấu trúc tình hình tài chính: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dành cho việc tái cấu trúc vốn của công ty là 70.380.000.000 đồng, trong đó: Giảm nợ vay từ ngân hàng Hàng Hải là 20.000.000.000 đồng, ngân hàng BIDV là 5.000.000.000 đồng và Quỹ đầu tư tỉnh Bình Dương là 20.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, do công ty phát hành thêm cổ phiếu này theo mệnh giá (10.000đồng/01 cổ phiếu) và được tư vấn chào bán tiếp (nếu có) toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, do đó, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cho các dự án là khả thi và không bị ảnh hưởng từ đợt phát hành không thành công. Tuy nhiên, trong trường hợp đợt phát hành không thành công 100%, Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành phục vụ cho dự án Dây chuyền viên nang mềm trước, phần còn lại sẽ tái cấu trúc tình hình tài chính của công ty (giảm một phần nợ vay từ ngân hàng).

## 6. Các rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của công ty.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

### 1. Tổ chức phát hành:

Ông:	<b>Phạm Ngọc Thuận</b>	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà :	<b>Phạm Thị Khanh</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông:	<b>Lê Trung Hiếu</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông:	<b>Trần Thiện Thế</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành:

Đại diện theo pháp luật: Ông: **Trần Thiện Thế** Chức vụ: Tổng Giám Đốc  
Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu, do Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đệ Nhất tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dược Becamex (Becamex Pharma). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dược Becamex cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

- ◆ “Công ty” : Công ty cổ phần Dược Becamex, sau đây gọi tắt là Becamex Pharma.
- ◆ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- ◆ “Cổ phiếu”: Chứng chỉ do Công ty cổ phần Dược Becamex phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Becamex Pharma.
- ◆ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Becamex Pharma.
- ◆ “Cổ tức”: Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Dược Becamex để trả cho mỗi cổ phần
- ◆ “Điều lệ”: Điều lệ của Becamex Pharma đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ◆ “Vốn điều lệ”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Becamex Pharma.
- ◆ Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:
  - ĐHĐCĐ                      Đại hội đồng cổ đông.
  - HĐQT                      Hội đồng quản trị.
  - BKS                         Ban kiểm soát.
  - TGD                         Tổng Giám đốc.
  - CBCNV                     Cán bộ công nhân viên.
  - UBCKNN                  Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX:

#### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

##### 1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Dược BECAMEX là Công ty Dược Phẩm Tỉnh Sông Bé, được thành lập từ sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng như một đơn vị kinh doanh nhằm phục vụ nhu cầu thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh lúc bấy giờ. Cơ sở vật chất của công ty được tiếp quản từ các cơ sở cũ, chuyên sản xuất các mặt hàng thuốc dùng ngoài với quy mô nhỏ.

Vào đầu năm 1991, Bộ Y Tế đã hướng dẫn sắp xếp lại hệ thống y tế địa phương, trong đó đã có những hướng dẫn việc chuyển các Công ty dược cấp huyện, thị trực thuộc công ty, xí nghiệp cấp tỉnh. Năm 1992, Nghị định 338/HDBT ban hành quy chế thành lập và giải thể Doanh nghiệp nhà nước, căn cứ vào nghị định này UBND tỉnh Sông Bé ký quyết định số: 25 và số 26/QĐUB ngày 23/03/1991 với nội dung giải thể các công ty Dược cấp III huyện, thị và nhập thành Công ty Dược phẩm tỉnh Sông Bé hình thành 1 công ty dược duy nhất tại tỉnh.

Song song với việc thay đổi cơ cấu tổ chức, với chủ trương đăng ký lại doanh nghiệp trong tổng thể toàn xã hội, UBND tỉnh Sông Bé đã ký Giấy phép số 132 ngày 14/11/1992 và giấy

phép kinh doanh số 103734 ngày 08/12/1992 chính thức thành lập công ty Dược với tên gọi là Công ty Dược Vật Tư Y Tế Bình Dương.

Ngày 10 tháng 11 năm 2004, UBND tỉnh Bình Dương ra quyết định số 155/2004/QĐ-UB về việc sáp nhập Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương vào Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp (Becamex IDC) và quyết định số 30/QĐUB ngày 07 tháng 01 năm 2005 về việc thành lập Công ty Dược và Vật tư y tế Bình Dương trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC).

Ngày 29 tháng 12 năm 2005 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty CP Dược và Vật tư Y tế Bình Dương theo giấy CNDKKD số 4603000202 ngày 29 tháng 12 năm 2005 với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Với chức năng sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, kinh doanh mỹ phẩm.

Đầu năm 2007, Công ty khởi công xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hoàn thành vào cuối năm 2008 được xét duyệt công nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP – WHO vào ngày 23/01/2009 và chính thức đi vào hoạt động khi có số đăng ký do Cục quản lý Dược cấp vào tháng 08/2010 được xét duyệt công nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP – WHO vào ngày 23/01/2009 và chính thức đi vào hoạt động khi có số đăng ký do Cục quản lý Dược cấp vào tháng 8/2010. Ngày 01/7/2008. Công ty đã đổi tên Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Bình Dương thành Công ty Cổ Phần Dược Becamex .

Tên viết tắt: Becamex Pharma

Vốn điều lệ: **40.400.000.000 đồng.**

## 1.2 Giới thiệu về công ty

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**
- Tên tiếng Anh : **BECAMEX PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **BECAMEX PHARMA**
- Trụ sở chính : Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Logo :



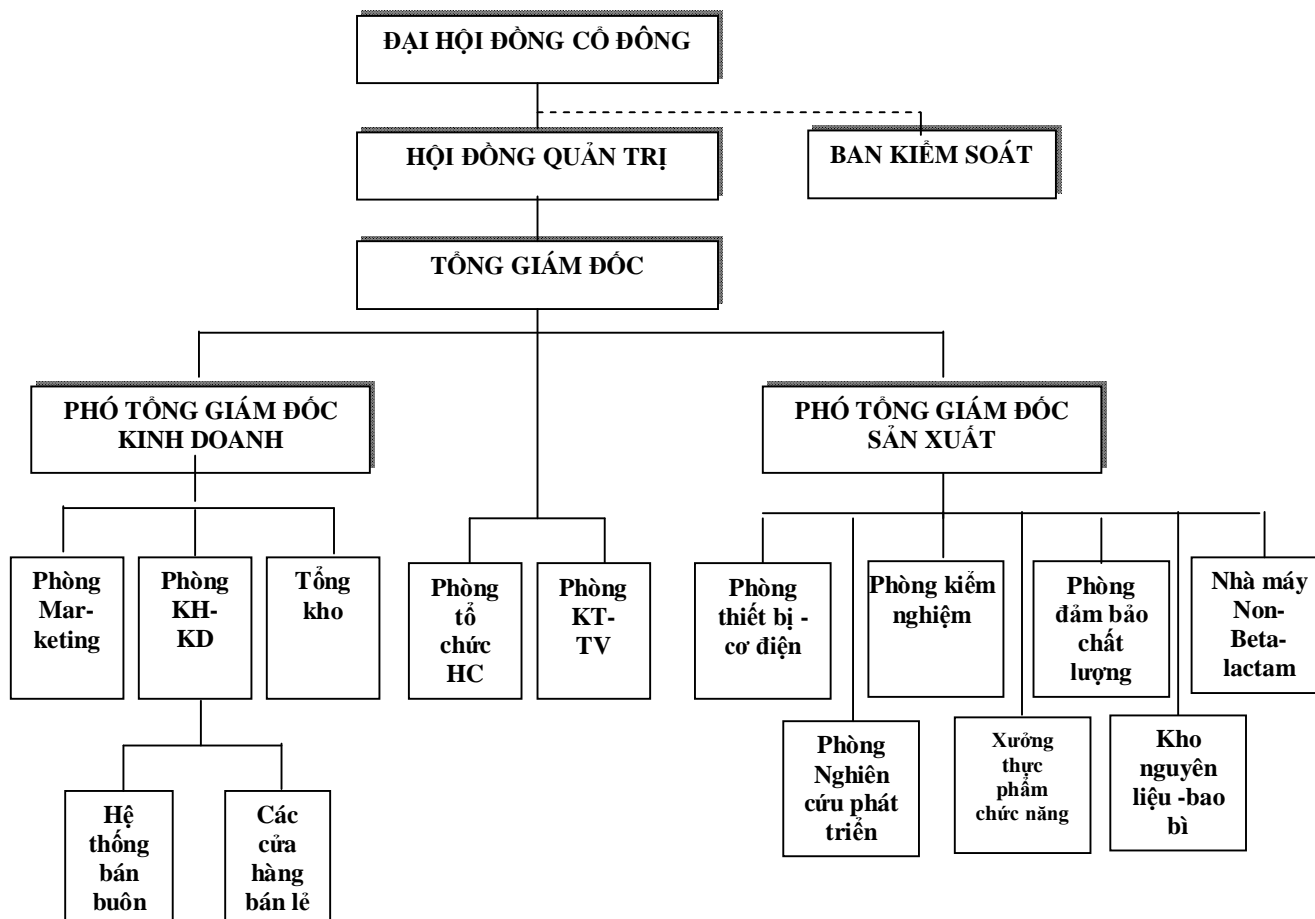
- Điện thoại : 06503.553326 Fax: 06503.559899
- Email : [ctycpdvtytbd2@vnn.vn](mailto:ctycpdvtytbd2@vnn.vn)
- Vốn điều lệ : **40.400.000.000 đồng**

## 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế;

- Mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm, hóa chất (không thuộc danh mục cấm), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty:



**Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị tại công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 05 năm.

**Ban kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng

quản trị và Ban giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ là 03 năm.

**Ban Tổng giám đốc:** Ban tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng giám đốc hiện có 02 thành viên.

**Các phòng chức năng và nhà máy sản xuất:** Chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp và triển khai các kế hoạch theo từng chức năng quản lý, hỗ trợ đặc lực cho Ban Tổng giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước ban tổng giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích của cổ đông và công ty.

**Phòng tổ chức - nhân sự:** Có chức năng tham mưu cho giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của công ty, quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên, quản lý lao động tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ, đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

**Phòng nghiệp vụ kinh doanh:** Có chức năng tham mưu cho ban giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, tham mưu cho ban giám đốc trong việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các khách hàng và công ty, kiểm soát và quản lý quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã được ban giám đốc phê duyệt và xây dựng kế hoạch cung ứng nguyên phụ liệu hàng hóa phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

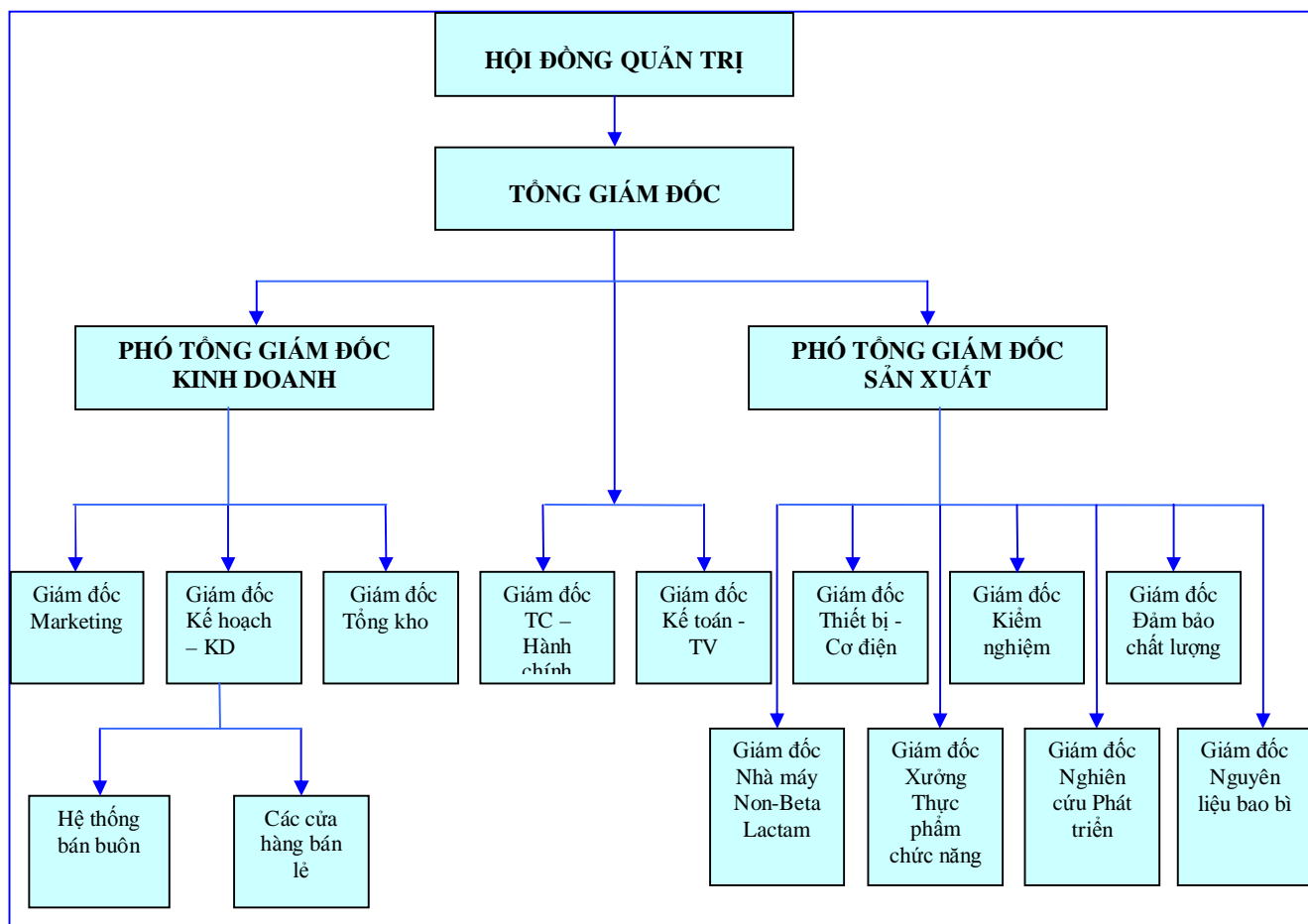
**Phòng kế toán tài chính:** Có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, tổ chức bộ máy kế toán thực hiện quản lý nguồn vốn, tài sản, thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ ngân hàng, lập báo cáo quyết toán hàng quý, năm và quyết toán đầu tư.

Nhà máy dược phẩm trực thuộc Công ty Cổ Phần Dược Becamex có các phòng chức năng, xưởng sản xuất thực phẩm chức năng và xưởng sản xuất GMP-WHO. Nonbeta lactam đạt tiêu chuẩn GMP - WHO

Các phòng ban và xưởng chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc, có quyền và chịu trách nhiệm sản xuất theo đúng tiêu chuẩn GMP-WHO và cung cấp kịp thời, đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

**Hệ thống phân phối trực thuộc công ty:** Hệ thống phân phối của công ty được quản lý theo hệ thống chiều dọc và trực thuộc phòng kế hoạch - kinh doanh. Hiện tại công ty có 2 trung tâm phân phối nằm ở các huyện thị, trực thuộc và 107 hiệu thuốc bán lẻ, công ty đang triển khai một văn phòng đại diện tại Thị xã Thủ Dầu Một.

### 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty:



**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/12/2010:**

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (01/12/2010):**

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)	2.060.400	20.604.000.000	51,00%
2	Công ty cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	367.000	3.670.000.000	9,08%
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.427.400</b>	<b>24.274.000.000</b>	<b>60,08%</b>

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/12/2010:**

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	TCT Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC)	2.060.400	20.604.000.000	51,00%
2	Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	100.000	1.000.000.000	2,48%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất	367.000	3.670.000.000	9,08%
4	299 cổ đông khác	1.512.600	14.930.000.000	37,44%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.040.000</b>	<b>40.400.000.000</b>	<b>100%</b>

(Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700683163, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký lại lần thứ 6 ngày 01/12/2010)

➤ **Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/12/2010:**

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông Nhà nước	2.060.400	51,00%
2	Cổ đông trong nước, trong đó	1.962.100	48,57%
	Cổ đông cá nhân	1.257.500	31,12%
3	Cổ đông tổ chức	704.600	17,45%
	Cổ đông nước ngoài, trong đó:	17.500	0,43%
	Cổ đông cá nhân	17.500	0,43%
	Cổ đông tổ chức	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.040.000</b>	<b>100%</b>

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:**

➤ Danh sách công ty mẹ:

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC) là doanh nghiệp nhà nước sở hữu 51% cổ phần của công ty, nắm quyền kiểm soát công ty.

<b>TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ &amp; PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP (BECAMEX IDC CORP)</b>	
Địa chỉ	230 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Vốn hoạt động	Vốn điều lệ : 4.500.000.000.000 VNĐ Tổng nguồn vốn kinh doanh: 14.726.000.000.000 VNĐ
CB - CNV	Tổng số cán bộ, công nhân viên: 2.500 người, trong đó: Cán bộ quản lý : 230 người. Kỹ sư : 90 người Chuyên gia nước ngoài: 30 người.
Giấy phép hoạt động	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH MTV số 3700145020 do Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 03/06/2010.
Ngành nghề kinh doanh	Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Khai thác, chế biến khoáng sản. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu

	<p>công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân. Kinh doanh bất động sản. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT (Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao). Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng. Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp). Quản lý dự án và giám sát thi công công trình. Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng. Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc.. Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng. Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm. Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan. Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.</p>
<p>Hệ thống các đơn vị thành viên:</p>	<p><b>Các dự án công nghiệp và đô thị:</b>          KCN Việt Nam – Singapore (Bình Dương): 844 ha.          KCN Việt Nam – Singapore (Bắc Ninh): 700 ha.          KCN Việt Nam – Singapore (Hải Phòng): 1.200 ha.          Khu đô thị và công nghiệp Mỹ Phước: 3.429 ha.          Khu đô thị và công nghiệp Thới Hòa: 956 ha.          Khu đô thị và công nghiệp Bàu Bàng: 2.200 ha.          Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ và Đô thị Bình Dương: 4.196 ha.          Khu Đô thị và Công nghiệp Tân Uyên: 1.850 ha.          Khu Công nghiệp và Đô thị Becamex – Bình Phước: 4.300 ha.</p> <p><b>Những công ty con – công ty liên kết:</b>  <b>Lĩnh vực chứng khoán – tài chính – bảo hiểm – ngân hàng:</b>          Công ty Chứng khoán Đệ nhất (FSC).          Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)          Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (HKI)</p>



	<p><b>Lĩnh vực xây dựng – thương mại – BDS – dịch vụ:</b>          Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bình Dương (ITC)          Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)          Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCC)          Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Bình Dương          Công ty TNHH liên doanh KCN Việt Nam – Singapore (VSIP)          Công ty Cổ phần Phát triển đô thị (Becamex UDJ)          Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản (BDR)          Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Đầu tư (Becamex ISC)</p> <p><b>Lĩnh vực viễn thông – công nghệ thông tin:</b>          Công ty Cổ phần Công nghệ và truyền thông (VNTT)</p> <p><b>Lĩnh vực sản xuất:</b>          Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (BMJ)          Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (ACC)          Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex</p> <p><b>Lĩnh vực dược phẩm:</b>          Công ty Cổ phần Dược Becamex (BCP)          Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (Savipharm)</p> <p><b>Lĩnh vực y tế - giáo dục:</b>          Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.          Trường Đại học Quốc tế Miền Đông          Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Miền Đông</p>
--	--

- **Danh sách công ty con:** Không có
- **Danh sách những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.
- **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối công ty:**  
 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC) là doanh nghiệp nhà nước sở hữu 51% cổ phần của công ty, nắm quyền kiểm soát công ty.

<b>TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ &amp; PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP (BECAMEX IDC CORP)</b>	
Địa chỉ	230 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Vốn hoạt động	Vốn điều lệ : 4.500.000.000.000 VNĐ
	Tổng nguồn vốn kinh doanh: 14.726.000.000.000 VNĐ

## 6. Hoạt động kinh doanh:

### 6.1. Sản phẩm dịch vụ chính:

Hiện nay, Công ty đã được Cục quản lý dược - Bộ y tế cấp số đăng ký sản xuất và lưu hành 45 mặt hàng và đang sản xuất chủng loại như sau:

Nhóm dị ứng; Nhóm thuốc gan; Nhóm hạ sốt, giảm đau; Nhóm thuốc ho; Nhóm kháng sinh; Nhóm kháng viêm; Nhóm thuốc bổ; Nhóm tiêu hóa, dạ dày; Nhóm Vitamin; Nhóm thuốc chai; Nhóm thực phẩm chức năng; Nhóm tim mạch.

Các nhóm sản phẩm trên được sản xuất dưới dạng: Viên nén, viên bao phim, viên nang cứng, thuốc bột đóng gói, thực phẩm chức năng..... Với nhiều quy cách đóng gói khác nhau như đóng chai, ép vỉ, ép gói..... Mẫu mã bao bì được thiết kế có tính chuyên môn cao và đẹp mắt, đảm bảo yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn GMP-WHO.

### Sản Lượng Sản Phẩm Qua Các Năm

Stt	Nhóm hàng hóa	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Nhóm dị ứng	4,793,100	306,676,700	2,894,000	188,110,000	11,386,410	774,294,740
2	Nhóm thuốc gan	19,606,100	1,749,452,200	4,120,025	390,492,000	6,853,875	783,037,625
3	Nhóm hạ sốt, giảm đau	1,534,300	118,514,000	7,881,116	773,574,300	12,956,200	1,454,579,200
4	Nhóm thuốc ho	12,393,222	969,044,317	5,296,500	492,918,500	11,491,700	1,436,462,500
5	Nhóm kháng sinh					2,326,156	3,282,957,200
6	Nhóm kháng viêm	80,634,876	2,861,203,246	21,315,300	1,425,143,500	139,094,140	8,732,874,800
7	Nhóm thuốc bổ	2,579,300	345,368,400	970,000	121,250,000	1,967,400	275,436,000
8	Nhóm tiêu hóa, dạ dày					3,572,617	870,431,630
9	Nhóm Vitamin	2,052,100	315,774,600	7,212,000	1,508,253,000	15,071,700	3,183,977,600
10	Nhóm thuốc chai	54,383	55,065,328	102,210	113,266,760	380,486	458,777,330
11	Nhóm thực phẩm chức năng	38,000	393,604,000	204,464	548,876,160	3,188,155	1,204,587,720
12	Nhóm tim mạch					370,168	1,240,062,800
<b>TỔNG</b>		<b>123,685,381</b>	<b>7,114,702,791</b>	<b>49,995,615</b>	<b>5,561,884,220</b>	<b>208,659,007</b>	<b>23,697,479,145</b>

### MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX





**6.2. Doanh thu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:**

a. Doanh thuần từng nhóm sản phẩm qua các năm:

*Đvt: ngàn đồng*

Bộ phận	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu sản xuất	7.075.772	8,16	30.477.474	43,54	5.227.753	39,05
Doanh thu hàng mua ngoài	76.746.696	88,49	39.296.808	56,13	8.067.442	60,26
Doanh thu khác	2.906.137	3,35	227.424	0,33	92.338	0,69
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.728.605</b>	<b>100</b>	<b>70.001.706</b>	<b>100</b>	<b>13.387.533</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và Quý I/2011)

b. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

*Đvt: đồng*

Bộ phận	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(21.383.490)	2.514.660.889	229.348.708
Lợi nhuận khác	756.905.622	633.344.851	127.159.741
<b>Cộng</b>	<b>735.522.132</b>	<b>3.148.005.740</b>	<b>356.508.449</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và Quý I/2011)

Doanh thu năm 2010 giảm hơn 19,30% so với doanh thu năm 2009, nhưng lợi nhuận năm 2010 đã tăng hơn 328,0% so với năm 2009 là do:

Trong cơ cấu doanh năm 2009 là 86.728.605.278 đồng, trong đó doanh thu từ hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ là 7.151.764.728 đồng và doanh thu từ hàng mua ngoài và tiêu thụ là 76.746.696.000 đồng. Và trong năm 2010 thì cơ cấu doanh thu có thay đổi với tỷ trọng doanh thu từ hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ đã tăng lên 30.477.474.000 đồng và phần còn lại (39.296.808.000 đồng) là doanh thu từ hàng hóa mua ngoài và tiêu thụ.

Lợi nhuận năm 2010 (3.148.005.740 đồng) tăng hơn 328,0% so với lợi nhuận năm 2009 (735.522.132 đồng) là do hàng hóa mua ngoài và tiêu thụ thì thông thường mức lãi gộp chỉ vào khoảng từ 5% đến 10%, trong khi đó, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ có tỷ lệ lãi gộp cao hơn.

### 6.3. Nguyên vật liệu:

Hiện tại, chủng loại và số lượng sản xuất của công ty còn ít và thấp, nên nguyên liệu sản xuất thuốc của công ty nhập ủy thác qua một số công ty dược hoạt động xuất nhập khẩu nguyên liệu trực tiếp. Trong tương lai, xác định việc lựa chọn nhà cung ứng là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm, vì thế công ty xây dựng dần dần qui chế và điều kiện chọn lựa nhà cung cấp có uy tín, có sản lượng lớn trên thị trường để tạo sự ổn định lâu dài.

Do thị trường cung cấp nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm rất phong phú và đa dạng, qua các phương tiện thông tin, tư vấn chào hàng. Công ty luôn tập trung tìm hiểu, phân tích và chủ động tìm thêm các nhà cung cấp để lựa chọn được các nguồn cung cấp ổn định, bảo đảm chất lượng và giá cả hợp lý. Nguyên vật liệu mà chủ yếu là dược chất dùng để sản xuất các sản phẩm dược của công ty chiếm tỷ trọng từ 50% -70% trong cơ cấu giá thành sản phẩm, vì vậy, sự biến động giá nguyên vật liệu tất yếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Thời gian qua, giá cả nguyên liệu chính, tá dược có xu hướng gia tăng do sự bất ổn về chính trị, thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên thế giới, nhất là ảnh hưởng suy thoái toàn cầu và gần đây là sự biến động không lường về tỉ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng USD.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công Ty đã chủ động cân đối lượng dự trữ tồn kho nguyên vật liệu ở mức độ sao cho phù hợp với khả năng sản xuất và vòng quay vốn của công ty.

### 6.4. Chi phí sản xuất

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Chi phí nhân viên	627.149.840	940.674.990
Chi phí vật liệu	3.317.241.142	15.097.950.108
Chi phí khấu hao TSCD	368.465.466	3.206.846.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.270.056	1.213.654.991
Chi phí khác bằng tiền	845.757.716	3.238.352.371
<b>Cộng</b>	<b>5.561.884.220</b>	<b>23.697.479.145</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010)

**Tỷ trọng các khoản mục chi phí / Doanh thu thuần**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị	%/DT thuần	Giá trị	%/DT thuần	Giá trị	%/DT thuần
Giá vốn hàng bán	79.504	91,67	55.946	79,92	10.050	75,07
Chi phí bán hàng	2.872	3,31	2.773	3,96	997	7,45
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.618	5,32	5.962	8,52	1.269	9,48
Chi phí hoạt động tài chính	250	0,30	2.923	4,18	854	6,38

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009, 2010, và BCTC Quý I/2011)

Cơ cấu giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần trong các năm 2009 và năm 2010 lần lượt là 91,67% và 79,92%, được đánh giá là khá cao so với bình quân của những doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực hoạt động và chưa mang tính cạnh tranh. Riêng trong Quý I/2011, tỷ trọng là 75,07%, đã được cải thiện đáng kể và dần mang tính cạnh tranh hơn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

**6.5. Trình độ công nghệ:**

Theo chiến lược phát triển của Công ty, sản phẩm sản xuất của Công ty Dược Becamex sẽ phục vụ thị trường trong cả nước, và dần dần nhắm đến mục tiêu xuất khẩu sang các nước.

Do vậy, để đảm bảo yêu cầu quản lý chất lượng, công ty đã quyết định lựa chọn dây chuyền công nghệ đạt tiêu chuẩn Châu Âu cho việc sản xuất các dược phẩm tân dược.

Hệ thống thiết bị sản xuất của Công ty đều thuộc thế hệ mới trong lĩnh vực công nghiệp dược, phần lớn được nhập khẩu từ Đức, Ý, Nhật... đáp ứng được chất lượng, công suất, phục vụ nhu cầu sản xuất và nghiên cứu phát triển các sản phẩm.

Hệ thống kho đảm bảo điều kiện bảo quản tối ưu, giúp cho chất lượng nguyên liệu, thành phẩm luôn ổn định trong quá trình lưu trữ.



12	Lò nung EF11/8B	30,678,345	26,843,553
13	Máy bao phim tự động FSC-100	553,000,000	497,700,004
14	Máy cất nước 2 lần WSC/4D	51,355,429	44,936,005
15	Máy Chuẩn Độ Điện Thế DI50	157,816,774	12,024,143
16	Máy Chuẩn Độ Karl Fischer	93,228,213	81,574,689
17	Máy Dập Viên 16 Chày	44,137,535	0
18	Máy Dập Viên 19 Chày	43,002,667	0
19	Máy dập viên 20 nén đơn loại chày "D"	641,136,821	549,545,849
20	Máy dập viên 27 nén đôi loại chày "D"	644,321,886	552,275,898
21	Máy Dập Viên Xoay Tròn CPMD	200,904,750	0
22	Máy Dập Viên Zp 19	67,850,000	5,260,385
23	Máy Dập Zp 19	55,875,600	1,528,605
24	Máy Đem Viên Điện Tử	25,000,000	0
25	Máy đo điểm nóng chảy SMP10	12,647,340	11,066,424
26	Máy đo độ dẫn điện để bàn CON510	9,544,414	8,351,362
27	Máy Đo Độ Hòa Tan DT700	447,306,068	184,423,082
28	Máy đo pH để bàn pH1100	9,873,532	8,639,344
29	Máy Đóng Bột	74,006,156	3,978,699
30	Máy đóng nang tự động GKF 700S	3,587,585,980	3,139,137,736
31	Máy ép gói dạng đứng	17,000,000	14,166,668
32	Máy ép vỉ thuốc B1240	2,924,384,580	2,631,946,116
33	Máy In AD 8121b	11,294,680	0
34	Máy in cân RS-P26	12,840,315	11,235,267
35	Máy In Phun A100	167,744,240	0
36	Máy In Phun Domino A100+ups500va	75,000,000	0
37	Máy in phun Willett	97,966,400	83,971,196
38	Máy khuấy từ gia nhiệt có thời gian T.ARE	13,849,665	12,118,461
39	Máy Lau Nang JMJ 2	26,456,667	0
40	Máy phân cực kế Polax-2L	78,362,934	68,567,562
41	Máy Photocopy Aficio 2018	34,287,840	0
42	Máy Quang Phổ	173,500,000	0
43	Máy Quang Phổ hồng ngoại biến đổi chuỗi	519,489,524	454,553,336
44	Máy Sắc Khí Lòng Cao áp (th03/04)	813,700,762	248,383,443
45	Máy sấy nhiệt	25,000,000	21,874,996
46	Máy sấy tầng sôi hiệu TPT (STS-100)	700,350,000	630,315,000
47	Máy thử độ mài mòn EF 2	40,050,098	33,375,086
48	Máy thử độ tan rã ED 2L	42,138,884	35,115,740
49	Máy Trộn 2 Trục	133,974,286	22,860,343
50	Máy Trộn Lập Phương MTK400	220,000,000	192,499,996
51	Máy trộn siêu tốc	468,000,000	409,500,000
52	Máy vo viên	39,932,916	34,941,300
53	Máy xát côm MXC500	160,000,000	139,999,996
54	Máy Xát Hạt Cao Tốc	71,250,000	5,260,385
55	Máy xát hạt khô	112,542,706	98,474,866
56	Máy xát hạt ướt	170,936,575	149,569,507
57	Nồi bao đường CPMCP-12"	37,387,206	31,156,002

58	Nồi hấp bỏ SA-232	9,544,414	8,351,362
59	Nồi hấp tiệt trùng SA-300VFA	50,519,573	44,204,621
60	Thiết bị đa năng	51,189,600	40,951,680
61	Thiết bị đo bụi cầm tay	54,513,600	43,610,880
62	Thiết Bị Đo Độ ẩm Mx 50	31,621,972	0
63	Tủ âm GI6-2	33,734,568	29,517,744
64	Tủ âm LI5-2 (Tủ ủ vi sinh)	38,744,550	33,901,482
65	Tủ cấy vi sinh AC2-4E1	83,174,513	72,777,701
66	Tủ đựng hóa chất có khử mùi TD.02	16,000,000	12,000,010
67	Tủ hút đặt máy chuẩn điện thế	34,000,000	25,500,010
68	Tủ Phá mẫu PM.01	70,000,000	52,500,010
69	Tủ Sấy 04 Cửa	77,562,500	5,883,490
70	Tủ sấy đôi lưu tự nhiên CE3G-2	29,620,597	25,918,021
71	Tủ vi khí hậu HC9R-2	191,711,084	167,747,204
72	Tủ Xử Lý Hơi Hoá Chất	25,500,000	0
	<b>Cộng</b>	<b>15,231,515,229</b>	<b>11,396,725,889</b>

#### 6.6. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm, Công đặt trọng tâm vào công tác nghiên cứu cải tiến và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe y tế của người tiêu dùng với mức giá cả hợp lý, các sản phẩm chất lượng cao nhằm thay thế và cạnh tranh với các sản phẩm thuốc ngoại nhập.

Phòng nghiên cứu phát triển có nhiệm vụ chiến lược trong lĩnh vực đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phòng được trang bị toàn bộ các thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ nghiên cứu thêm nhiều chủng loại sản phẩm mới làm đa dạng hóa sản phẩm để đưa ra thị trường trong cả nước.

#### 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, nên việc sản xuất được thực hiện rất nghiêm ngặt, quy trình quản lý chất lượng sản phẩm, bảo đảm việc cung ứng cho cộng đồng và xã hội những sản phẩm có chất lượng.

- Phòng kiểm nghiệm – nhà máy dược phẩm Becamex với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn GLP (Good Laboratory Practice), phụ trách công tác kiểm tra chất lượng từ nguyên liệu, bao bì đầu vào cho đến thành phẩm xuất xưởng.
- Trách nhiệm của phòng kiểm nghiệm là phải bảo đảm toàn bộ thành phẩm đạt tiêu chuẩn đã đăng ký khi xuất xưởng. Với mật độ công việc dày, khối lượng công việc lớn, phòng kiểm nghiệm luôn tập trung làm việc để cung cấp được các kết quả kiểm nghiệm chính xác và phù hợp.
- Phòng đảm bảo chất lượng: Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo nguyên tắc của WHO-GMP, bảo đảm hệ thống chất lượng hoạt động có hiệu lực và hiệu quả.

#### 6.8. Hoạt động Marketing

- **Quản bá thương hiệu:** Vì Công ty Dược Beccamex chỉ mới bắt đầu đi vào hoạt động trong thời gian ngắn, sản phẩm chưa nhiều nhưng công ty cũng xác định việc từng bước quảng bá



thương hiệu là một phần không thể thiếu trong quá trình hoạt động kinh doanh. Vì thế công ty đã từng bước đầu tư cho việc phát triển thương hiệu, từng bước hình thành đội ngũ marketing chuyên trách, chịu trách nhiệm trong việc: Quản lý nhãn hàng – Marketing bán hàng và marketing dịch vụ.

- **Chính sách giá cả:** Về giá cả, Công ty xây dựng chính sách “Giá cả hợp lý” đi đôi với “chính sách chất lượng tốt và ổn định” trên từng sản phẩm của mình.

Trong thời gian này, hầu như các sản phẩm của công ty sản xuất đều có thị trường tiêu thụ một cách ổn định.

- **Hệ thống phân phối:** Công ty Cổ Phần Dược Becamex hình thành một hệ thống phân phối phủ khắp địa bàn trong tỉnh để phục vụ bán lẻ cho người tiêu dùng và tổ chức bán buôn ra các tỉnh trong nước, nhất là khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh. Kế hoạch của công ty từng bước đa dạng hóa các mặt hàng với mục tiêu là trúng thầu vào các bệnh viện trong tỉnh và dần dần vươn ra trên cả nước.

## Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

### a. Logo:



### b. Nhãn hiệu hàng hóa

Danh mục nhãn hiệu đã được bảo hộ và chứng nhận bảo hộ.

## DANH MỤC NHÃN HIỆU ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ VÀ CHẤP NHẬN BẢO HỘ

STT	Nhãn hiệu	Tình trạng	Ngày xin cấp số	Ngày cấp số	Ngày hết hạn
1	Potazamin	Đã được bảo hộ	22/12/1999	17/04/2001	22/12/2019
2	Tofluxine	Đã được bảo hộ	28/07/2000	23/01/2002	28/07/2010
3	Nimipsa	Đã được bảo hộ	21/12/2001	20/01/2003	13/12/2011
4	Clazidyne	Đã được bảo hộ	13/12/2001	08/04/2003	13/12/2011
5	Morif	Đã được bảo hộ	21/12/2001	25/04/2003	21/12/2011
6	Estocal	Đã được bảo hộ	28/07/2000	25/01/2002	28/07/2010
7	Necopion	Đã được bảo hộ	28/07/2000	25/01/2002	28/07/2010
8	Pyomezol	Đã được bảo hộ	02/10/2003	23/02/2005	02/10/2013
9	Dexbetamine	Đã được bảo hộ	24/12/2003	10/06/2005	24/12/2013
10	Natusmine	Đã được bảo hộ	13/06/2002	20/06/2003	13/06/2012
11	Bilaxatif	Đã được bảo hộ	16/07/2003	02/11/2004	16/07/2013
12	Bisultol 480	Đã được bảo hộ	14/05/1997	16/10/1998	14/05/2007
13	Enterobiocin	Đã được bảo hộ	24/7/1999	08/11/2000	24/07/2009
14	Gynohygiene	Đã được bảo hộ	04/01/2001	08/04/2002	04/01/2011
15	Becaspira	Đã được bảo hộ	02/10/2008	06/05/2010	06/05/2020
16	Becaclary	Đã được bảo hộ	02/10/2008	10/12/2009	10/12/2019
17	Becacipro	Đã được bảo hộ	02/10/2008	10/12/2009	10/12/2019

18	Becazithro	Đã được bảo hộ	02/10/2008	10/12/2009	10/12/2019
19	Becaxomuc	Đã được bảo hộ	02/10/2008	10/12/2009	10/12/2019
20	Becamenol	Đã được bảo hộ	22/10/2008	06/05/2010	06/05/2020
21	Becamezol	Chấp nhận bảo hộ	14/10/2008	30/06/2010	30/06/2020
22	Becalgic	Chấp nhận bảo hộ	14/10/2008	30/06/2010	30/06/2020
23	Bedotril	Chấp nhận bảo hộ	18/09/2009		
24	Levofast	Chấp nhận bảo hộ	18/09/2019		
25	Robestatine	Chấp nhận bảo hộ	05/10/2009		
26	Beroxib	Chấp nhận bảo hộ	05/10/2009		
27	Becazym	Chấp nhận bảo hộ	06/07/2009		
28	Eprasol	Chấp nhận bảo hộ	03/08/2009		
29	Ecaxan	Chấp nhận bảo hộ	21/08/2009	03/12/2010	03/12/2020
30	Besedate	Chấp nhận bảo hộ	21/08/2009	03/12/2010	03/12/2020
31	Becamlostin	Chấp nhận bảo hộ	24/12/2009		
32	Becaclovir	Chấp nhận bảo hộ	16/04/2010		
33	Zevoxcine	Chấp nhận bảo hộ	19/04/2010		
34	Ketofural	Chấp nhận bảo hộ	19/04/2010		
35	Metrospiral	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
36	Becasartan	Chấp nhận bảo hộ	24/12/2009		
37	Joinlusa	Chấp nhận bảo hộ	24/12/2009		
38	Becadom	Chấp nhận bảo hộ	24/12/2009		
39	Lessenol	Chấp nhận bảo hộ	24/12/2009	13/12/2010	03/12/2020
40	Descallerg	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
41	Eralgic	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
42	Tecallery	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
43	Zimzym	Chấp nhận bảo hộ	05/02/2010		
44	Advancavir	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
45	Becastomal	Chấp nhận bảo hộ	09/11/2009		
46	Heartzidine	Chấp nhận bảo hộ	05/02/2010		

### 6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết:

Stt	Số Hợp Đồng	Đối Tác	Sản Phẩm	Trị Giá	Dvt	Ngày ký HĐ	Ngày hết HĐ
1	187E/2010/YTC/XNK/UT	Công Ty CP XNK Y Tế TP.HCM - YTECO	Nguyên liệu	29,210	USD	19/8/10	30/06/11
2	04/BECAMEX/2010	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	14,400	EUR	21/9/10	30/09/11
3	253G/2010/YTC/XNK/UT	Công Ty CP XNK Y Tế TP.HCM - YTECO	Nguyên liệu	74,202.25	USD	22/11/10	31/12/11
4	07/BECAMEX/2010	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	62,300	USD	24/11/10	31/12/11
5	08/BECAMEX/2010	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	13,464	USD	13/12/10	31/12/11
6	09/BECAMEX/2010	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	30,000	USD	20/12/10	31/12/11

7	100/SPC - NL/2010	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	175,770,000	VND	27/12/10	31/12/11
8	0812/BECAMEX-DKSH/2010	Công Ty TNHH DKSH Việt Nam	Hàng hóa	154,875,000	VND	10/12/10	31/12/11
9	02/BECAMEX/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	9,520	USD	28/2/11	31/12/11
10	03/BECAMEX/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	6,600	USD	25/2/11	31/12/11
11	03/BECAMEX/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	217,650,405	VND	28/2/11	31/12/11
12	03/BECAMEX/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	152,244,540	VND	25/2/11	31/12/11
13	01/BECAMEX/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	Nguyên liệu	195,142,500	VND	25/2/11	31/12/11
14	15/HĐMBNL - 2011	Công Ty CP Dược Đồng Nai	Nguyên liệu	568,122,660	VND	2/3/11	31/12/11
15	...../DPSH	Công Ty TNHH MTV và Sinh Học Y tế - Mebiphar	Nguyên liệu	9,500	USD	2011	31/12/11

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009 và 2010 và Quý I/2011:

STT	Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/ giảm	Quý I/2011
1	Tổng tài sản	86.957.428.587	121.462.096.260	+39,68%	116.746.885.753
2	Doanh thu thuần	86.728.605.278	70.001.706.093	-19,29%	13.387.532.828
3	Lợi nhuận từ SXKD	(21.383.490)	2.514.660.889	+11.860%	229.348.708
4	Lợi nhuận khác	756.905.622	633.344.851	-16,32%	127.159.741
5	Lợi nhuận trước thuế	735.522.132	3.148.005.740	+328%	356.508.449
6	Lợi nhuận sau thuế	422.873.787	2.663.586.114	+530%	311.944.893
7	Trả cổ tức	0	2.814.280.000		0
8	Tỷ lệ trả cổ tức/ lợi nhuận	<b>0</b>	<b>100%</b>		

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và BCTC Quý I/2011)

### 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009 và năm 2010:

Vào tháng 06 năm 2008 công ty đã ngưng hoàn toàn hệ thống sản xuất cũ do số đăng ký sản xuất đã hết hạn và không được gia hạn (theo quy định của Bộ Y Tế tân dược phải được sản xuất trong nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO). Trong năm 2007 và 2008, Công ty tập trung toàn bộ cho việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Vì thế, các chỉ tiêu kinh doanh nêu trên chủ yếu là do mua bán dược phẩm mua ngoài, sản lượng sản xuất của công ty không đáng kể. Đầu năm 2009, công ty mới chính thức được Bộ Y tế xét công nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, đến tháng 08/2009 công

ty mới bắt đầu tiến hành tổ chức sản xuất trong nhà máy GMP-WHO ngay khi được cấp số đăng ký.

Quá trình tổ chức sản xuất ở quy mô lớn đối với công ty phải thực hiện qua nhiều giai đoạn: từ khâu nghiên cứu mặt hàng -> tổ chức sản xuất thử -> xin giấy phép sản xuất -> sản xuất trên quy mô lớn. Vì thế ít nhất đến hết năm 2009, công ty mới đi vào ổn định và từng bước phát triển.

### **7.3. Những nhân tố thuận lợi và khó khăn có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2010 và thời gian tới:**

#### ***Thuận lợi:***

- Chính phủ, Bộ Y Tế, Cục quản lý dược Việt Nam có những chính sách quốc gia thúc đẩy phát triển công nghiệp Dược, khuyến khích hệ thống điều trị và người tiêu dùng quan tâm đến việc sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao. Với sự phát triển ổn định của nền kinh tế nước ta, người dân quan tâm nhiều đến sức khỏe và hệ thống điều trị, người tiêu dùng có điều kiện hơn trong việc sử dụng thuốc.
- Đơn vị cũng nhận được sự hỗ trợ tích cực của ngành y tế tại địa phương và Cục quản lý dược - Bộ Y Tế trong việc thực hiện các chính sách của ngành, đặc biệt đơn vị đã được Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC) hỗ trợ tích cực trong việc thực hiện các chủ trương và định hướng sự phát triển, hỗ trợ chi phí trong việc giải toả di dời địa điểm để xây dựng nhà máy sản xuất dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Các đối tác quan hệ kinh tế với đơn vị là những cơ sở ổn định, những công ty đã hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực dược phẩm với phương châm cùng nhau phát triển. Mạng lưới bán lẻ trong toàn tỉnh đã đi vào nề nếp, doanh thu ổn định qua từng năm. Công ty có một lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn và đội ngũ công nhân có tay nghề, có kinh nghiệm được chọn lọc và phát triển đúng hướng, phù hợp với nhu cầu phát triển của công ty.

#### ***Khó khăn:***

- Với giai đoạn hội nhập, tình hình cạnh tranh trong các ngành kinh tế, đặc biệt là trong ngành dược phẩm ngày càng trở nên gay gắt hơn, sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Sự tăng giá của nguyên vật liệu dược phẩm, nhiên liệu, vật tư làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Do nhà máy mới chính thức đi vào hoạt động nên chưa có nhiều chủng loại hàng hóa, sản lượng chưa được cao nên còn làm hạn chế việc cung cấp, phân phối thuốc cho các tuyến điều trị trong tỉnh và chưa mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước.

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**

### **8.1. Vị thế của công ty trong ngành:**

So với các công ty sản xuất dược phẩm khác, Công ty Cổ Phần Dược Becamex là một công ty trẻ, chỉ chiếm một thị phần rất khiêm tốn trên thị trường, thương hiệu Becamex pharma chỉ mới xuất hiện từ đầu năm 2009. Hiện Công ty cố gắng tạo nên một thương hiệu với mục tiêu sản xuất các sản phẩm tân dược với có giá thành thấp nhưng chất lượng cao đạt hiệu

quả trong điều trị, được thị trường chấp nhận và tin tưởng. Becamex Pharma phân đầu gia tăng dần thị phần trong những năm sắp tới.

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành sản xuất dược phẩm là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng và lợi nhuận biên cao của thế giới.

Việt Nam là nước chủ yếu sản xuất thuốc từ nguyên liệu nhập khẩu, với trên 90% nguyên liệu được nhập khẩu từ các nước công nghiệp phát triển. Các doanh nghiệp dược Việt Nam chủ yếu sản xuất các loại thuốc điều trị các bệnh thông thường với các dạng bào chế đơn giản. Doanh thu thuần sản xuất trong nước năm 2008 đạt trên 8.000 tỷ đồng, trong khi đó tiềm năng tiêu thụ đạt trên 16.000 tỷ, khả năng tiêu thụ thuốc gấp đôi khả năng sản xuất trong nước. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành đạt từ 18%-20% năm, tốc độ này ở mức khá cao so với các ngành khác và cao hơn hẳn tốc độ GDP hàng năm.

## 8.3. Định hướng phát triển công ty.

- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có chất lượng cao, giá cả phù hợp. Mở rộng quan hệ hợp tác sản xuất-kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước, tìm kiếm, đàm phán việc hợp tác sản xuất, sản xuất nhượng quyền với một số công ty nước ngoài có uy tín. Triển khai hoạt động nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.
- Đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất thuốc gói, trang bị bổ sung máy dập viên, máy đóng nang, máy ép vỉ, để tăng nhanh sản lượng hàng sản xuất. Huấn luyện, xây dựng đội ngũ marketing, đẩy mạnh bán hàng công ty sản xuất, thiết lập dần mạng lưới phân phối ở các tỉnh thành trong cả nước. Đào tạo và bổ sung đội ngũ chuyên môn nhằm đáp ứng nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của công ty.

## 9. Chính sách đối với người lao động:

### 9.1. Tình hình nhân sự của công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

Trình độ	Số người	tỷ lệ (%)
1. Trên đại học:		
Trong đó:		
- Tiến sĩ		
- Thạc sĩ		
2. Đại học:	30	14,08%
Trong đó:		
- Đại học Dược	9	4,22%
- Đại học kinh tế	7	3,29%
- Đại học cơ khí	3	1,41%
- Đại học khác	11	5,16%
3. Cao đẳng, trung cấp	137	64,32%
4. Công nhân, kỹ thuật	1	0,47%
5. Dược tá	33	15,5%
6. Khác	12	5,63%
<b>Cộng</b>	<b>213</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Becamex Pharma)

## 9.2. Chính sách đối với người lao động:

Xác định người lao động là một trong những nhân tố chính góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty, nên mọi chính sách để ổn định và nâng cao đời sống của người lao động luôn được thực hiện. Công ty thực hiện đúng chế độ lao động theo luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

- Công ty trang bị cơ sở vật chất, văn phòng làm việc, nhà xưởng hiện đại, thoáng mát đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt công việc một cách khoa học và hiệu quả. Lực lượng lao động trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Các chế độ khám sức khỏe định kỳ, chế độ ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng ca ba cho người lao động đều được đảm bảo tại công ty.

## 9.3. Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực:

- Công ty quan niệm nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp là nguồn nhân lực, trong khi hệ thống thiết bị nghiên cứu sản xuất phần nhiều đều giống nhau, thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh sẽ là con người. Chính vì thế, công ty luôn chú trọng đến phong trào học tập cho cán bộ công nhân viên nhằm tiếp cận khoa học công nghệ, tri thức mới.
- Công ty đang thực hiện chính sách thu hút lực lượng lao động có bằng cấp đại học và trên đại học, nhất là dược sĩ đại học bằng hình thức chế độ đãi ngộ, lương bổng cao và tạo nhiều điều kiện tốt cho lực lượng này trong quá trình sinh hoạt và lao động, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

## 10. Chính sách cổ tức:

- Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động của những năm tiếp theo.
- Công ty chỉ tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Trên thực tế, trong năm 2008 và 2009 này, mức độ hoạt động của công ty còn thấp, trong điều kiện xây dựng từ ban đầu dự án nhà máy sản xuất dược GMP-WHO, việc sản xuất trong nhà máy mới và kinh doanh tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO chỉ mới bắt đầu trong 04 tháng cuối năm 2009, vì thế chỉ tiêu cổ tức của đơn vị còn rất khiêm tốn.

STT	Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
1	Tổng tài sản	86.957.428.587	121.462.096.260	116.746.885.753
2	Doanh thu thuần	86.728.605.278	70.001.706.093	13.387.532.828
3	Lợi nhuận từ SXKD	(21.383.490)	2.514.660.889	229.348.708
4	Lợi nhuận khác	756.905.622	633.344.851	127.159.741
5	Lợi nhuận trước thuế	735.522.132	3.148.005.740	356.508.449
6	Lợi nhuận sau thuế	422.873.787	2.663.586.114	311.944.893
7	Trả cổ tức	0	2.814.280.000	0
8	Tỷ lệ trả cổ tức/ lợi nhuận	<b>0</b>	<b>100%</b>	
9	Tỷ lệ cổ tức	<b>0%</b>	<b>7%</b>	

Năm 2009, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty với lợi nhuận sau thuế là 422.873.787 đồng, do đó, HĐQT đã quyết định trình ĐHĐCĐ thông qua việc không chi trả cổ tức cho cổ đông.

Với kết quả hoạt động trong năm 2010 khả qua hơn với lợi nhuận sau thuế đạt được 2.814.280.000 đồng, và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 đã quyết định chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 7%/vốn điều lệ và chi trả bằng tiền mặt.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính:

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

#### a. Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 15-25 năm
- Máy móc thiết bị : 05-10 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn : 08 năm
- Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý : 03-05 năm

#### b. Mức lương bình quân:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010
1	Tổng quỹ lương (VND)	4.245.518.287 đ
2	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (VND)	1.661.000 đ

(Nguồn: Becamex Pharma)

#### c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn, căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010.

#### d. Các khoản nợ theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc báo cáo và nộp các khoản thuế GTGT, thuế nhập khẩu, thuế TNDN, thuế TNCN theo quy định của nhà nước.

#### e. Trích lập các quỹ:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo sự quyết định của Đại hội đồng cổ đông từ trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mỗi khi kết thúc niên độ tài chính và công ty hoạt động có lãi, các quỹ được trích như: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc trích lập các quỹ đúng theo điều lệ công ty và luật pháp quy định hiện hành.

#### f. Tổng dư Nợ ngân hàng:

Hiện nay, trong năm 2010 mức độ sản xuất của công ty còn thấp, có nhu cầu vay vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao, kế hoạch vay vốn lưu động được thực hiện trong năm 2010 là 16 tỷ đồng.

Dư nợ hiện nay của đơn vị chủ yếu là Nợ dài hạn từ khoản vay xây dựng nhà máy GMP-WHO từ Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương.

Số dư đến 31/12/2009: 23.475.374.919 đồng, Số dư đến 31/12/2010: 21.875.374.919 đồng

#### g. Tình hình công nợ:

##### ❖ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Phải thu của khách hàng	9.547.768.611	24.423.636.862	23.466.869.711
Trả trước cho người bán	607.519.575	4.159.214.968	252.350.454
Các khoản phải thu khác	1.397.826.357	1.418.599.085	1.353.901.193
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.553.114.543</b>	<b>30.001.450.915</b>	<b>25.073.121.358</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và BCTC Quý I/2011)

##### ❖ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I/2011
Vay và nợ ngắn hạn	6.000.000.000	24.267.369.814	25.659.926.585
Phải trả cho người bán	11.137.492.966	26.676.841.875	22.573.958.023
Người mua trả tiền trước	3.698.083	28.338.592	33.995.192
Các khoản phải nộp NN	312.648.345	1.222.328.783	66.813.054
Phải trả công nhân viên		0	
Chi phí phải trả		0	
Phải trả, phải nộp khác	3.043.806.977	3.670.520.255	2.687.070.147
<b>Tổng</b>	<b>20.497.646.371</b>	<b>55.865.399.319</b>	<b>51.021.763.001</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và BCTC Quý I/2011)

#### h. Đối với khoản mục ngoại trừ trong BCTC kiểm toán năm 2010:

Trên cơ sở ý kiến kiểm toán về việc công ty không tổ chức kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2010 và đã đưa ra ý kiến ngoại trừ cho khoản mục hàng tồn kho của công ty, về vấn đề này, công ty đã giải trình về việc này là do Công ty đã tổ chức kiểm kê hàng tồn kho vào cuối tháng 11/2010 để phục vụ cho công tác xét duyệt tiêu chuẩn nhà máy GMP – WHO đợt 2 của Bộ Y tế, do đó, công ty không tiến hành kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm 31/12/2010. Hơn nữa, vào thời điểm 31/03/2011, công ty đã tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và số liệu cho thấy quá trình dự trữ, cấp phát không phát sinh thừa thiếu. Hơn nữa, vì công ty là một đơn vị chuyên kinh doanh dược phẩm, vì thế việc sắp xếp, bảo quản hàng hóa được chú trọng đặc biệt vì nó ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, từ việc quản lý trên (chất lượng thuốc) gián tiếp giúp cho việc phát sinh hư hao, thừa thiếu hàng hóa là rất nhỏ (nếu có). Vì thế, yếu tố ngoại trừ này không mang tính chất trọng yếu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong kỳ.



**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý I Năm 2011
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b> Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,34 0,65	0,91 0,59	0,90 0,56
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần) Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,44 0,78	0,58 1,39	0,57 1,29
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) Vòng quay TSCD (Doanh thu thuần/tài sản dài hạn) Vòng quay vốn lưu động (DT thuần/TS ngắn hạn) Vòng quay các khoản phải thu (DT thuần/phải thu bình quân) Vòng quay các khoản phải trả (DT thuần/phải trả bình quân) Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ tồn kho BQ)	0,99 1,45 3,15 8,45 2,17 6,02	0,57 0,99 1,38 3,70 1,28 3,48	0,11 0,19 0,29 0,49 0,20 0,57
4	<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b> Hệ số LN từ HĐKD/DT thuần Hệ số LN sau thuế/DT thuần (%) Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản(%)	-0,0002 0,48 0,87 0,48	0,04 3,80 5,25 2,19	0,02 2,33 6,13 0,27

**12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:****12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội Đồng Quản Trị**

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Phạm Ngọc Thuận	Chủ Tịch HĐQT	27/04/1966	280368612 cấp ngày 28/08/2003 tại Công an Bình Dương
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	14/03/1962	280572459 cấp ngày 22/02/2002 tại Công an Bình Dương.
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên HĐQT	15/06/1967	280864280 cấp ngày 21/12/2007 tại Công an Bình Dương.

**a. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên	<b>PHẠM NGỌC THUẬN</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/04/1966
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

CNMD số	280368612 cấp ngày 28/08/2003 tại Công an Bình Dương
Quê quán	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	Ô 5, lô A4, Hoàng Văn Thụ, khu phố 6, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3822655
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	✓ 1998 – 2004: Giám đốc kinh doanh, Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp ✓ 2005 - nay: Phó tổng giám đốc Công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp
Chức vụ hiện nay	✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	✓ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : không có.

#### b. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	<b>NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	14/03/1962
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280572459 cấp ngày 22/02/2002 tại Công an Bình Dương
Quê quán	Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương
Địa chỉ thường trú	Số 9, Nguyễn Văn Tiết, P. Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	✓ 1982-1990: Nhân viên Công ty thương nghiệp tỉnh Bình Dương ✓ 1991-2001: Nhân viên Công ty đầu tư và phát triển Công nghiệp ✓ 2002-2005: Phó giám đốc xuất nhập khẩu Công ty đầu tư và phát triển Công nghiệp (Becamex IDC).

	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 2006-2007: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương.</li> <li>✓ 2008 – 31/05/2010: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dược Becamex</li> <li>✓ 01/06/2010 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	✓ Phó Chủ Tịch HĐQT CTCP Dược Becamex.
Số cổ phần đang nắm giữ	Sở hữu đại diện: <b>2.060.400</b> cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : không có.

### c. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	<b>ĐOÀN VĂN THUẬN</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/06/1967
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280864280 cấp ngày 21/12/2007 tại Công an Bình Dương
Quê quán	Long An
Địa chỉ thường trú	khu phố 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3833284-0650.3816299
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh, Cử Nhân Luật
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓1988–1989: Cán bộ cung tiêu Phòng kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu huyện Bến Cát.</li> <li>✓1989–1997: Trưởng phòng kế hoạch Nông trường cao su Bàu Bàng thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Huyện Bến Cát.</li> <li>✓1997–2002: Giám đốc bán hàng thuộc phòng kinh doanh Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (Becamex Corp.).</li> <li>✓2002–2003: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.</li> <li>✓2003– đến nay là Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	✓Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược Becamex

	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Kinh doanh và phát triển Bình Dương (TDC)</li> <li>✓Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</li> <li>✓Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt.</li> <li>✓Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Dương</li> </ul>
Số cổ phần đang nắm giữ	✓Sở hữu đại diện : <b>100.000</b> cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : không có

## 12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Ông Trần Thiện Thế	Trưởng Ban Kiểm soát	21/12/1963	280473222 ngày cấp 18/07/2006 tại Công an Bình Dương.
Bà Văn Thị Kim Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	06/06/1964	280347681 ngày cấp 08/06/1981 tại Công an Bình Dương.
Ông Nguyễn Tất Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát	05/08/1982	280796917 cấp ngày 14/04/2010 tại Công an Bình Dương.

### a. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	<b>TRẦN THIỆN THẾ</b>
Giới tính	Nam
Năm sinh	21/12/1963
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280473222 ngày cấp 18/07/2006 tại Công an Bình Dương
Quê quán	Bình Long, Tỉnh Bình Phước
Địa chỉ thường trú	7/2, khu phố 6, P. Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3833282
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài Chính Kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓10/1985–12/1988: Kế toán Liên Hiệp các XN Sành Sứ sông Bé</li> <li>✓1988–1995: Kế toán Trưởng XN Gốm Sứ Xuất Khẩu Sông Bé</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 1996–1997 : Kế toán Trưởng Xí Nghiệp Xây Dựng BECAMEX</li> <li>✓ 1998–1999 : Phó Kế toán Trưởng Công Ty BECAMEX</li> <li>✓ 2000– nay: Tổng Giám Đốc Công Ty CP. Chứng Khoán Đệ Nhất</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Becamex</li> <li>✓ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng Khoán Đệ Nhất.</li> <li>✓ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản.</li> <li>✓ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và xây dựng Bình Dương.</li> </ul>
Số cổ phần đang nắm giữ	đại diện sở hữu: <b>367.000</b> cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.  
Những người có liên quan : Không có.

#### b. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	<b>VĂN THỊ KIM LOAN</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	06/06/1964
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280347681 ngày cấp 08/06/1981 tại Công an Bình Dương.
Quê quán	Bình Dương
Địa chỉ thường trú	106, Bùi Quốc Khánh, Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3553326
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 1983-1997: Kế toán hiệu thuốc cấp III thị xã</li> <li>✓ 1997 đến nay: Kế toán Công ty cổ phần dược Becamex.</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	✓ Thành Viên Ban kiểm soát CTCP Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	sở hữu cá nhân: <b>3.400</b> cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.  
Những người có liên quan : Không có.

#### c. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	<b>NGUYỄN TẮT THẮNG</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/08/1982
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280796917 cấp ngày 14/04/2010 tại Công an Bình Dương
Quê quán	Tương Bình Hiệp – TX TDM – Bình Dương
Địa chỉ thường trú	K5/2 lô 1B3 tổ 66 KDC Hiệp Thành 1, P. Hiệp Thành –TX TDM, Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650.3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Từ tháng 08/2010 đến tháng 11/2010 Cán bộ tiếp thị, thị trường nói tiếng Anh – Phòng tiếp thị - Tổng Cty ĐT và PT Công Nghiệp – TNHH MTV Becamex.</li> <li>✓ Từ tháng 11/2010 đến nay : Trưởng phòng KH –KD Công Ty CP Dược Becamex</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	✓ Thành Viên Ban kiểm soát CTCP Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	Sở hữu cá nhân <b>0</b> cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : không có

### 12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán Trưởng

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
Bà Phạm Thị Khanh	Tổng Giám Đốc	15/03/1960	021050211, cấp ngày 07/06/2006 nơi cấp CA TP.HCM
Ông Huỳnh Văn Kiều	Phó Tổng Giám Đốc	08/10/1968	024182245, cấp ngày 11/08/2003 Nơi cấp CA TP.HCM
Ông Lê Trung Hiếu	Kế toán Trưởng	16/02/1958	280344834, cấp ngày 03/07/1997 Nơi cấp CA Bình Dương

#### a. Tổng Giám Đốc:

Họ và tên	<b>PHẠM THỊ KHANH</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	15/03/1960

Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	021050211 cấp ngày 07/06/2006 nơi cấp CA TP.HCM
Quê quán	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú	38, Châu Vĩnh Tế, Phường 12, Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12.
Trình độ chuyên môn	Dược Sĩ
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Năm 2003-2007: Phó giám đốc sản xuất công ty DP Cần Giờ</li> <li>✓ Năm 2007 – 31/05/2010: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex</li> <li>✓ Từ 01/06/2010 đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex</li> </ul>
Chức vụ hiện nay	✓ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : Không có.

***b. Phó Tổng giám đốc***

Họ và tên	<b>HUỲNH VĂN KIỀU</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/10/1968
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	024182245 cấp ngày 11/08/2003 nơi cấp CA TP.HCM
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	110/9 Thống Nhất Phường 11 Gò Vấp TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12.

Trình độ chuyên môn	Dược Sĩ Đại Học
Quá trình công tác	✓ Từ năm 2001 đến năm 2010 là Giám Đốc Kinh Doanh Công Ty UNITED PHARMA
Chức vụ hiện nay	✓ Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : Không có.

**c. Kế toán Trưởng**

Họ và tên	<b>LÊ TRUNG HIẾU</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/12/1958
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
CNMD số	280344834 cấp ngày 03/07/1997 nơi cấp CA Bình Dương
Quê quán	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	Khu 5, Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại cơ quan	0650 3553326
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	✓ Từ năm 1981->1990: Nhân viên phòng kế toán Công ty Dược Vật tư y tế Bình Dương ✓ Từ 1990-1997: Phó phòng kế toán Công ty Dược Vật tư y tế Bình Dương ✓ Từ 1997 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Becamex
Chức vụ hiện nay	✓ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Becamex
Số cổ phần đang nắm giữ	0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không có.

Những người có liên quan : Không có.



**13. Tài sản:****13.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo ngày 31/12/2010:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>70.823.706.451</b>	<b>62.677.967.431</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	36.208.575.694	34.357.326.960
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.470.143.888	1.442.482.875
3	Máy móc thiết bị	30.849.537.795	26.146.085.288
4	Dụng cụ quản lý	466.221.386	142.622.951
5	Tài sản cố định hữu hình khác	829.227.688	589.449.357
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.934.222.500</b>	<b>6.651.003.303</b>
1	Quyền sử dụng đất	6.615.131.600	6.449.753.312
2	Phần mềm máy tính	319.090.900	201.249.991
	<b>Cộng</b>	<b>77.757.928.951</b>	<b>69.328.970.734</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010)

**13.2. Tình hình sử dụng đất, nhà xưởng:**

Tháng 06 năm 2007, Công ty chính thức được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Bến Cát, Bình Dương với diện tích là 41.657m<sup>2</sup> và thời hạn sử dụng là 49 năm. diện tích đất trên hiện tại là Văn phòng trụ sở chính và nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO của Công ty Dược Becamex.

Stt	Diễn giải	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng và nhà máy sản xuất dược phẩm	NA6, KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát, Bình Dương	41.657m <sup>2</sup>	Trụ sở chính, xưởng SX và các công trình phụ trợ.
2	Nhà thuốc số 14	Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	104,22m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
3	Nhà thuốc số 4	249, CMT8, Phú Cường, TDM, BD	25m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
4	Nhà thuốc số 1	97, Đoàn Trần Nghiệp, TDM, BD	364m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
5	Nhà thuốc số 26	26, Lê Lợi, Lái Thiêu	23,45m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
6	Nhà thuốc Thuận An	75/1, Phan Đình Phùng, Lái Thiêu, Thuận An	145,14m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
7	Hiệu thuốc số 42	ấp 2, Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương	133m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm
8	Hiệu thuốc số 44	Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương	58,90m <sup>2</sup>	Kinh doanh dược phẩm

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2011:****14.1. Định hướng phát triển trong điều kiện hiện tại:**

- a. Ổn định và từng bước phát triển tình hình sản xuất, tổ chức tốt quá trình sản xuất những mặt hàng đã được Bộ y tế - Cục quản lý dược cấp phép đăng ký.
- b. Tiếp tục nghiên cứu thị trường, đề đăng ký sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất cả về chủng loại và số lượng mặt hàng.
- c. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất.
- d. Có kế hoạch xây dựng dần các chi nhánh ngoài tỉnh để tìm thị trường cho sản phẩm sản xuất.
- e. Xây dựng đội ngũ marketing có trình độ và chuyên nghiệp, đầu tư quảng bá dần từng mặt hàng, nhóm hàng đến người phân phối và người tiêu dùng.
- f. Tiếp tục giữ vững ổn định mạng lưới bán lẻ trong toàn tỉnh và khai thác bán hàng ở các hệ thống cơ quan, trường học và nhất là hệ thống điều trị.
- g. Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- h. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, xây dựng một hệ thống quản trị tài chính chuyên nghiệp, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ có chi phí thấp.
- i. Báo cáo tài chính kịp thời, minh bạch và công khai.

#### 14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009 (triệu đồng)	Thực hiện 2010 (triệu đồng)	% so với năm 2009	Kế hoạch 2011 (triệu đồng)	% so với thực hiện 2010
Nguồn vốn chủ sở hữu	86.957	121.462	139,68	150.000	164,66
Vốn điều lệ	40.400	40.400	100	124.200	307,43
Doanh thu thuần	86.729	70.001	80,71	132.756	189,65
Lợi nhuận trước thuế	736	3.148	427,72	13.345	423,92
Thuế TNDN phải nộp	313	484	154,63	1.668	344,63
Lợi nhuận sau thuế	423	2.664	629,79	11.677	438,33
Tỷ suất LN/doanh thu thuần	0,49%	3,81%	780,29	8,8%	231,13
Tỷ suất LN/Vốn chủ sở hữu	0,49%	2,19%	450,88	5,84%	266,20
Tỷ suất LN/Vốn lưu động	1,54%	5,23%	339,96	-	-
Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	0%	7%		20%	285,71

Như đã trình bày, Công ty cổ phần Dược Becamex là một công ty mới hoạt động trong điều kiện GMP-WHO sản xuất vào những tháng cuối năm 2009. Vì thế sản phẩm tự sản xuất còn rất thấp, trong thời gian này công ty cố gắng duy trì hệ thống bán hàng (Hàng mua ngoài) từng bước nâng cao năng lực hàng sản xuất của công ty.

Cũng vì thế nên doanh số bán ra trong hai năm 2008 và 2009 chỉ đạt gần 85 tỷ, trong đó doanh thu hàng sản xuất khoảng 4 tỷ/năm.

Lợi nhuận năm 2009 đạt thấp do tình hình dự án mới đi vào hoạt động từ tháng 8/2009.

Lợi nhuận năm 2010 là 2.664 triệu đồng tăng 629.79 % so với năm 2009 là do công ty đã tăng sản lượng sản xuất và số lượng sản phẩm bán ra trên thị trường.

Kế hoạch năm 2011, đơn vị xây dựng doanh thu 133 tỷ (so với 70 tỷ năm 2010), tăng 63 tỷ chủ yếu là tăng sản lượng doanh thu hàng sản xuất của công ty. Khi doanh thu hàng sản xuất tăng cao và ổn định thị trường khả năng đơn vị bắt đầu có lợi nhuận cao, lợi nhuận kinh doanh thu được từ việc sản xuất chính.

#### 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tư vấn cho Công ty Cổ phần Dược Becamex, Công ty cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất đã tiến hành thu thập dữ liệu, đồng thời tiến hành phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty: Nhìn chung kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng trên cơ sở các dự báo của doanh nghiệp trong bối cảnh không thuận lợi của tình hình kinh tế nói chung và tình hình thị trường sản xuất và kinh doanh dược phẩm nói riêng. Là một đơn vị thành viên đang kinh doanh trong lĩnh vực mũi nhọn của của Tổng Công Ty, các phương án kinh doanh nêu trên đều tính đến sự hỗ trợ từ Tổng Công ty mẹ (BECAMEX IDC). Vì vậy, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến Công ty mẹ và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch đã đề ra.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một đơn vị tư vấn, dựa trên những dữ liệu mà chúng tôi có được và dự báo chủ quan dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như không khẳng định tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:**  
Không có.

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán:** Không có.

## **V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

**1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**

**2. Mệnh giá: 10.000 đ/cp**

**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán : 8.380.000 cổ phần, trong đó:**

**a. Chào bán cho cổ đông hiện hữu : 8.040.800 cổ phần**

- Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 1: 2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết sẽ do HĐQT quyết định đối tượng bán và giá bán, nhưng đảm bảo không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

- Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng **01** (một) lần.

**b. Chào bán cho cán bộ chủ chốt của công ty: 339.200 cổ phần**

Chào bán cho cán bộ chủ chốt của công ty: **339.200** cổ phần

- Công ty phát hành cho cán bộ chủ chốt của công ty. Danh sách và tiêu chuẩn phân phối sẽ do Hội Đồng Quản Trị Công ty ra quyết định và công bố dựa trên các chỉ tiêu sau:
  - Chức vụ tại mỗi vị trí.
  - Thâm niên công tác, kinh nghiệm.
  - Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**c. Giá chào bán:**

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: **10.000 đồng/ 01 cổ phiếu.**
- Chào bán cho cán bộ chủ chốt của công ty: **10.000 đồng/ 01 cổ phiếu.**
- Phương pháp định giá:

- Căn cứ giá trị sổ sách của công ty tại ngày 31/03/2011:

$$\begin{array}{r} \text{Giá Trị} \\ \text{sổ Sách} \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{Vốn Chủ sở hữu} \\ \text{Số lượng cổ phiếu} \end{array} \quad \begin{array}{r} 50.928.992.417 \\ 4.020.400 \end{array} = \frac{\quad}{\quad} = \mathbf{12.668 \text{ đồng/01 cổ phiếu}}$$

- Căn cứ giá trị sổ sách của công ty tại ngày 31/12/2010:

$$\begin{array}{r} \text{Giá Trị} \\ \text{sổ Sách} \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{Vốn Chủ sở hữu} \\ \text{Số lượng cổ phiếu} \end{array} \quad \begin{array}{r} 50.739.929.626 \\ 4.020.400 \end{array} = \frac{\quad}{\quad} = \mathbf{12.621 \text{ đồng/01 cổ phiếu}}$$

- Căn cứ điều kiện thị trường chứng khoán Việt Nam hiện tại và giá cổ phiếu của công ty đang giao dịch trên thị trường OTC trong thời gian gần đây.

Hội đồng quản trị công ty quyết định giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông bằng mệnh giá (10.000đồng/01 cổ phiếu) và đã trình ĐHĐCĐ bằng cách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**d. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không bán hết:**

Toàn bộ số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không bán hết trong đợt phát hành này sẽ được phân phối tiếp cho đối tượng khác thông qua tổ chức tư vấn chào bán số cổ phiếu không bán hết và số cổ phiếu là Công ty cp Chứng khoán Đệ Nhất với giá tối thiểu là 11.000đ/01 cổ phiếu.

- e. Thời gian phân phối:** Dự kiến trong thời hạn **90** ngày kể từ ngày có giấy phép của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

*Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt của công ty:*

Stt	Nội dung công việc	Thời	Thực hiện
-----	--------------------	------	-----------

		gian	
1	Nhận giấy phép phát hành thêm cổ phiếu	T	BCP, FSC
2	Công bố bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong ba số liên tiếp	T + 7	BCP, FSC
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm		
4	Xác định danh sách người sở hữu cuối cùng	T + 12	BCP, VSD
5	Phân bổ và thông báo quyền mua	T + 18	BCP, VSD
6	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	T + 19 – T + 30	BCP, FSC
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T + 19 – T + 45	BCP
8	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	T + 30 – T + 60	BCP
9	Báo cáo phát hành cho UBCKNN	T + 75	FSC, BCP
10	Trao trả Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T + 90	BCP

(Ghi chú: Ngày T được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu này sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

#### 4. Hướng xử lý trong trường hợp đợt phát hành không thành công:

Sau khi kết thúc đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu, nếu số cổ phần phát hành nhưng chưa phân phối hết nhưng đánh giá còn khả năng chào bán được tiếp, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành chào bán cho đối tượng khác theo giá phù hợp nhưng đảm bảo không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu, có thể xin phép từ UBCKNN về việc gia hạn thời gian phát hành trong trường hợp cần thiết.

#### 5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Do cổ phiếu của công ty đã thực hiện đăng ký lưu ký trên VSD và đang hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch UPCOM của HNX, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thực hiện theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ (giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty). Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2010, số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là **17.500 cổ phiếu** (chiếm tỷ lệ **0,43%** vốn điều lệ). Sau đợt phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 40.400.000.000 đồng lên 124.200.000.000 đồng, tỷ lệ nắm

giữ của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ cho phép (tỷ lệ cho phép: Tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng).

#### 6. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

#### 7. Các loại thuế có liên quan:

- a. Cổ tức được nhận và chênh lệch giá chứng khoán là đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp. Cổ đông thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2007 và những văn bản pháp quy về thuế hiện hành.
- b. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Kể từ ngày 01/01/2009, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên cơ sở Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009.

#### 8. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết sau:

Tên chủ tài khoản: **Công ty cổ phần Dược Becamex**

Số tài khoản: **14001010015182**

Tại ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Bình Dương**

Địa chỉ ngân hàng: **Số 27 Yersin, P.Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

Điện thoại: **06503.834.168** Fax: **06503.848.895**

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

1. **Mục đích chào bán:** Đợt chào bán 8.380.000 cổ phiếu lần này nhằm mục đích tăng vốn điều lệ Công ty lên 124.200.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi bốn tỷ hai trăm triệu đồng*), với số vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán này, Công ty Cổ phần Dược Becamex dự kiến sẽ triển khai đầu tư đầu tư Dây chuyền sản xuất viên nang mềm và Tái cấu trúc tình hình tài chính của công ty.

### 2. Phương án khả thi Dây chuyền sản xuất viên nang mềm:

#### 2.1 SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐẦU TƯ:

2.1.1. Phát triển ngành Dược thành một ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, việc hội nhập khu vực và thế giới nhằm mục đích cạnh tranh và đảm bảo việc cung ứng thuốc chữa bệnh đầy đủ thường xuyên và có chất lượng, bảo đảm cho việc sử dụng

thuộc hợp lý và an toàn ,phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân....là chủ trương lớn của Đảng,nhà nước và ngành y tế cũng như đòi hỏi tất yếu khách quan.

2.2.2. Sản xuất và phân phối là 2 lĩnh vực gắn bó tác động qua lại và hỗ trợ nhau.Do vậy,để có thể tồn tại và phát triển vững chắc,chủ động hơn về nguồn hàng phân phối,đủ sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập...việc đầu tư phân xưởng sản xuất viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO nhằm có cơ sở để thương lượng đàm phán, sản xuất các mặt hàng nhượng quyền khác và hàng thay thế nhập khẩu ...đó là vấn đề cấp thiết đặt ra với việc đầu tư của công ty CP Dược Becamex .

*Vì những vấn đề nêu trên,việc đầu tư xây dựng một phân xưởng sản xuất viên nang mềm tại nhà máy dược Becamex đạt tiêu chuẩn GMP – WHO là điều tất yếu.*

## **2.2 KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG.**

Stt	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	Xưởng sản xuất nang mềm	m <sup>2</sup>	200 m <sup>2</sup> (nền)	6,500,000	1,300,000,000
2	Hệ thống lạnh	Hệ	1	1,600,000,000	1,600,000,000
3	Trạm biến áp	Trạm	1	700,000,000	700,000,000
4	Hệ thống khí nén	Hệ	1	600,000,000	600,000,000
5	Hệ thống điện cấp cho xưởng nang mềm	Hệ	1	500,000,000	500,000,000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>4,700,000,000</b>

## **2.3 DANH MỤC THIẾT BỊ ĐẦU TƯ**

Stt	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Thiết bị sản xuất</b>				
1	Máy chính/model	1	185.000 USD/ BCM-GB6	185,000 USD	
2	Bồn nấu Gelatin	2	48.000 USD	48,000 USD	
3	Thùng chứa Gelatin(4 bồn)	4	23.200 USD (250 lít)	23,200 USD	
4	Thùng chứa medicin(4 bồn)	4	20.000 USD (300 lít)	20,000 USD	
5	Máy xay keo	1	20.000 USD	20,000 USD	
6	Bơm chân không và rây rung	1	9.800 USD	9,800 USD	
7	Khăn lau (200 cái)	200	✓		
8	Khay đựng nang(1000 cái)	1000	28.000 USD Inox 304	28,000 USD	
	Gia công 1 bộ khuôn ép nang		5.800 USD	5,800 USD	
	<b>Tổng</b>			<b>339,800 USD</b>	<b>7,300,000,000</b>
<b>B</b>	<b>Thiết bị phục vụ sản xuất</b>				
1	Cân điện tử (3 số lẻ)	2	17.000.000		34.000.000

2	Cân nguyên liệu	1	36.000.000		36.000.000
4	Air lock	1	50.000.000		50.000.000
5	Passbox , xe đẩy , bàn	1	50.000.000		50.000.000
6	Thiết bị dụng cụ khác	1	30.000.000		30.000.000
	<b>Tổng</b>				<b>200.000.000</b>

## 2.4 TỔNG HỢP VỐN XÂY LẬP VÀ THIẾT BỊ

Stt	Tên hạng mục	Giá trị trước thuế	Giá trị sau thuế đã làm tròn	Ghi chú
1	Xây dựng nhà xưởng	4,700,000,000	4,935,000,000	5%
2	Thiết bị sản xuất	7,300,000,000	7,665,000,000	
3	Các thiết bị hỗ trợ khác	200,000,000	210,000,000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12,200,000,000</b>	<b>12,810,000,000</b>	

## 2.5 CHI PHÍ KHÁC

Stt	Các chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí dự phòng	(Vốn xây lắp + thiết bị) x 10%	1,220,000,000	

## 2.6 TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

Như vậy tổng số tiền cần phải đầu tư là (khái toán)

**13,420,000,000 đồng**

## 2.7 HIỆU QUẢ KINH TẾ

+ Năng suất làm việc của máy trong 1 ngày :

Tên máy	Năng suất/ngày(7giờ)	Năng suất /tuần	Năng suất/tháng (4tuần)
Máy ép nang mềm	500,000 viên	2,000,000 viên (4 ngày)	8,000,000 viên

Giá vốn , giá bán , lợi nhuận:

Stt	Chủng loại thuốc	Giá bán/viên	Giá vốn/viên	Lợi nhuận/viên
1	Dầu cá ,vitamin D	250 đồng	210 đồng	40 đồng
2	Thực phẩm chức năng	1,500 đồng	1,100 đồng	400 đồng
3	Poly vitamin	600 đồng	400 đồng	200 đồng
4	Hotamin ginseng	1,200 đồng	900 đồng	300 đồng
5	Levocetirizin	3,500 đồng	3,200 đồng	300 đồng
6	Vitamin E	700 đồng	500 đồng	200 đồng
7	Thuốc ho	300 đồng	150 đồng	150 đồng
8	Gia công	80 đồng	80 đồng	80 đồng

+ Lợi nhuận bình quân / tháng:

Stt	Chủng loại thuốc	Sản lượng tiêu thụ/tháng	Lợi nhuận/viên	Tổng lợi nhuận/tháng
1	Dầu cá ,vitamin D	500,000	40 đồng	20,000,000 đồng
2	Thực phẩm chức năng	300,000	400 đồng	120,000,000 đồng
3	Poly vitamin	400,000	200 đồng	80,000,000 đồng



4	Hotamin ginseng	500,000	300 đồng	150,000,000 đồng
5	Levocetirizin	500,000	300 đồng	150,000,000 đồng
6	Vitamin E	300,000	200 đồng	60,000,000 đồng
7	Thuốc ho	500,000	150 đồng	75,000,000 đồng
8	Gia công	2,000,000	80 đồng	160,000,000 đồng
		<b>5,000,000</b>		<b>815,000,000 đồng</b>

- + Tổng lợi nhuận trong một năm là: **9,780,000,000 đồng**  
 + Thuế thu nhập doanh nghiệp 25% : **2,445,000,000 đồng**  
 + Lợi nhuận ròng : **7,335,000,000 đồng**  
 + Thời gian hoàn vốn:

Stt	Tổng vốn đầu tư	Lợi nhuận ròng / năm	Thời gian hoàn vốn	Thời điểm bắt đầu có lợi nhuận
1	13,420,000,000 đồng	7,335,000,000 đồng	18 tháng	Sau 18 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất

+ Như vậy với số vốn đầu tư 13,420,000,000 đồng (13,42 tỷ VNĐ) thì sau 18 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất sẽ có lợi nhuận.

## VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH;

STT	NỘI DUNG	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (đồng)
1	Đầu tư dây chuyền sản xuất viên nang mềm	13.420.000.000
2	Tái cấu trúc tình hình tài chính công ty	70.380.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>83.800.000.000</b>

Đối với việc tái cấu trúc tình hình tài chính của công ty từ phần vốn phát hành thêm như sau:

Tổng số tiền là 70.380.000.000 đồng được phân bổ như sau:

+ **Giảm nợ vay từ ngân hàng:**

\*. **Thực hiện thực tế đến ngày 30/06/2011 như sau**

Dvt: đồng

Stt	Tổ chức tín dụng	Số tiền	Số tiền	Hạn mức
		Hạn mức dư nợ	Thực tế giải ngân	
1	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam:	20.000.000.000	19.959.926.585	12 tháng
2	Ngân hàng BIDV:	8.000.000.000	1.169.839.661	06 tháng
3	Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương:	10.000.000.000	2.301.467.242	12 tháng
	<b>Tổng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>23.431.233.488</b>	

+ **Bổ Sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh : 46.948.766.512 đồng**

**Chi Tiết Sử Dụng****- Ngân Hàng Hàng Hải****Số dư :** **16,054,906,064**

STT	Số chứng từ		Nội dung	Số tiền	Hạn mức
	Số	Ngày			
1	BN31101.0017	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho rousssel Ôn hốt th. ng 09/2010 -	114,562,140	12 tháng
2	BN31101.0018	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho vimedimex Ôn hốt th. ng 11/2010 -	284,488,683	12 tháng
3	BN31101.0019	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty « thạnh Ôn hốt th. ng 06/2010 -	132,445,719	12 tháng
4	BN31101.0020	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty phó thả Ôn hốt th. ng 04/2010 -	132,710,256	12 tháng
5	BN31101.0021	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty tuấn thng h® 23645 -	40,700,000	12 tháng
6	BN31101.0022	14/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty viat h® Ôn hốt th. ng 11/2010 -	43,465,737	12 tháng
7	BN31101.0002	27/01/11	- Thanh toán tiền mua hàng cho c«ng ty vinapha h® 37247 -	8,000,000	12 tháng
8	BN31101.0003	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty tại ký h® 2400 -	19,140,000	12 tháng
9	BN31101.0004	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty phó thả h® 115925, 09494 -	144,979,023	12 tháng
10	BN31101.0005	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty Mediplantex h® 16239, 10328, 80399, 16354, 16480 -	31,595,952	12 tháng
11	BN31101.0006	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty 3/2 Ôn hốt th. ng 09/2010 -	58,957,458	12 tháng
12	BN31101.0007	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty pharmedic Ôn hốt th. ng 10/2010 -	85,047,761	12 tháng
13	BN31101.0008	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty chỉ trung -	138,000,000	12 tháng
14	BN31101.0009	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty vĩnh an h® 131845, 78066, 78078, 78093 -	89,885,180	12 tháng
15	BN31101.0010	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty Ng« gia ph. t Ôn hốt th. ng 12/2010 -	7,251,050	12 tháng
16	BN31101.0011	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty Phó an Ôn hốt th. ng 12/2010 -	15,551,470	12 tháng
17	BN31101.0012	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty Việt Hạm h® 36255, 36359, 36489 -	54,389,228	12 tháng
18	BN31101.0013	27/01/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty Pha Nam Ôn hốt th. ng 11/2010 -	42,273,310	12 tháng
19	BN31101.0014	27/01/11	- Thanh toán 100% trả gi. hĩ p. ăng 09/BECAMEX/2010 (30.000 USD x 20.790 VNS) -	623,700,000	12 tháng
20	BN31103.0001	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty sapharco h® 14737 -	21,630,000	12 tháng
21	BN31103.0002	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty pha nam h® 88966, 88967 -	29,552,574	12 tháng
22	BN31103.0003	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty kh-ng duy Ôn hốt th. ng 11/2011 -	66,806,828	12 tháng
23	BN31103.0004	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty te nam y d-íc h® 2989 -	22,698,087	12 tháng
24	BN31103.0005	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty tỉn tiền HS 74412 -	53,900,000	12 tháng
25	BN31103.0006	08/03/11	- Trú tiền mua hàng cho c«ng ty hợng ọc Ôn hốt th. ng 12/2010 -	87,339,466	12 tháng

26	BN31103.0007	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty Vi¶t H¶ h® 48607 -	38,016,384	12 tháng
27	BN31103.0008	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty h¶u giang ®¶n h¶t th ,ng 11/2010 -	45,617,488	12 tháng
28	BN31103.0009	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty rousssel vn ®¶n h¶t th ,ng 12/2010 -	89,146,386	12 tháng
29	BN31103.0010	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty mediplantex h® 16576, 16630, 16631 -	25,678,499	12 tháng
30	BN31103.0011	08/03/11	- Tr¶i ti¶n ch¶nh l¶ch từ gi , cho c¶ng ty yteco ph¶n nh¶p kh¶u nguy¶n li¶u lysozym h®ut 262d, h® 3588 -	6,437,708	12 tháng
31	BN31103.0012	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty DKSH h® 76751, 83812 -	173,460,000	12 tháng
32	BN31103.0013	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty phó hi¶n h® 193581, 193574 -	5,921,987	12 tháng
33	BN31103.0014	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty ho¶ng ®¶c h® 11529 -	105,263,550	12 tháng
34	BN31103.0015	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty traphaco ®¶n h¶t th ,ng 10/2010 -	36,614,908	12 tháng
35	BN31103.0016	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty OPC ®¶n h¶t th ,ng 11/2010 -	81,086,607	12 tháng
36	BN31103.0017	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty 2/9 ®¶n h¶t th ,ng 12/2010 -	71,918,846	12 tháng
37	BN31103.0018	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty tr¶ng giang ®¶n h¶t th ,ng 11/2010, h® 41116, 92723, 41172 -	34,961,300	12 tháng
38	BN31103.0019	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty pharmedic ®¶n h¶t th ,ng 11/2010 -	113,143,800	12 tháng
39	BN31103.0020	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty 3/2 ®¶n h¶t th ,ng 11/2010 -	55,770,246	12 tháng
40	BN31103.0021	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty mekophar ®¶n h¶t th ,ng 10/2010, h® 5381, 6733 -	88,381,894	12 tháng
41	BN31103.0022	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho CH 43 ®¶n h¶t th ,ng 12/2010 -	47,777,646	12 tháng
42	BN31103.0023	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty b¶nh ®¶nh ®¶n h¶t th ,ng 11/2010 -	42,201,255	12 tháng
43	BN31103.0024	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty ADC h® 5634 -	19,447,620	12 tháng
44	BN31103.0025	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty sapharco h® 42132 -	404,869,500	12 tháng
45	BN31103.0026	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty t¶n h¶i th¶nh ®¶n h¶t th ,ng 06/2010 -	41,018,725	12 tháng
46	BN31103.0027	08/03/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng cho c¶ng ty t¶m an ®¶n h¶t th ,ng 12/2010 -	29,216,250	12 tháng
<b>C¶ng ph ,t sinh</b>				<b>3,905,020,521</b>	
<b>S¶o dư cu¶i</b>				<b>19,959,926,585</b>	

## - Ngân Hàng BIDV

S¶u kú :

0

STT	Số chứng từ		Nội dung	Số tiền	Hạn mức
	Số	Ngày			
1	BN31104.0006	29/04/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng HS 49445 -	69,063,754	06 Tháng
2	BN31104.0007	29/04/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th ,ng 06/2010 -	40,599,976	06 Tháng
3	BN31104.0008	29/04/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th ,ng 01/2011 -	305,598,457	06 Tháng
4	BN31104.0009	29/04/11	- Tr¶i ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th ,ng 12/2010 -	111,352,269	06 Tháng

5	BN31104.0010	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 12/2010 -	36,981,075	06 Tháng
6	BN31104.0011	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 10/2010 -	123,669,968	06 Tháng
7	BN31104.0012	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 01/2011 -	20,162,016	06 Tháng
8	BN31104.0013	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng h® 65262 -	42,676,205	06 Tháng
9	BN31104.0014	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng h® 101108, 101735, 101911, 145491, 148144 -	97,306,970	06 Tháng
10	BN31104.0015	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 12/2010 -	54,200,215	06 Tháng
11	BN31104.0016	29/04/11	- tr¶ ti¶n mua h¶ng h® 8157, 10483 -	108,235,959	06 Tháng
12	BN31104.0017	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 01/2011 -	40,080,504	06 Tháng
13	BN31104.0018	29/04/11	- Tr¶ ti¶n mua h¶ng ®¶n h¶t th,ng 12/2010 -	34,068,718	06 Tháng
14	BN31104.0001	29/04/11	- Thanh to, n ti¶n mua nguyªn li¶u, bao b× ®¶n h¶t h® th,ng 09/2010 -	40,560,025	06 Tháng
15	BN31104.0002	29/04/11	- Thanh to, n ti¶n mua nguyªn li¶u -	25,179,250	06 Tháng
16	BN31104.0003	29/04/11	- Thanh to, n ti¶n mua nguyªn li¶u ®¶n h¶t th,ng 03/2011 -	20,104,300	06 Tháng
<b>TỔNG</b>				<b>1,169,839,661</b>	
<b>Số Dư Cuối</b>				<b>1,169,839,661</b>	

- **Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương**

**S¶Cu kú :**

**0**

STT	Số chứng từ		Nội dung	Số tiền	Hạn mức
	Số	Ngày			
1	BN31104.0005	21/04/11	- Thanh to, n ti¶n nguyªn li¶u theo H¶ sè 15/H¶MBNL-2011 v¶ vi¶c mua 150 kg fexofenadine -	565,018,902	12 tháng
2	BN31104.0004	22/04/11	- Thanh to, n ti¶n nguyªn li¶u theo H¶ sè 301/DPSH, 303/DPSH v¶ vi¶c mua nguyªn li¶u predni, moloxicam -	1,736,448,340	12 tháng
<b>Céng ph, t sinh</b>				<b>2,301,467,242</b>	
<b>Số dư Cuối</b>				<b>2,301,467,242</b>	

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU

### 1. Tổ chức tư vấn chào bán

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất

❖ Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 9 Hoàng Văn Thụ, khu đô thị Chánh Nghĩa, TX.TDM, Bình Dương.
- Tel: 0650-3832614 Fax: 0650-3832616
- Website: [www.becamexfsc.com.vn](http://www.becamexfsc.com.vn) Email: [ctydenhat@hcm.vnn.vn](mailto:ctydenhat@hcm.vnn.vn)

❖ Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 521 Hồng Bàng, phường 14, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08-38537923 Fax: 08-38537832

- Email: [fschcm@hcm.vnn.vn](mailto:fschcm@hcm.vnn.vn)

❖ Chi nhánh tại Tp. Hà Nội:

- Địa chỉ: Tầng 3, Số 81-83 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

- Điện thoại: 04.39728302/39728303 Fax: 04.39728301

***Ý kiến đánh giá của tổ chức tư vấn về đợt chào bán:***

Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Dược Becamex (với số lượng 8.380.000 cổ phiếu, trong đó: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với số lượng 8.040.800 cổ phiếu theo tỷ lệ 1 : 2 và giá chào bán theo mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phiếu; Phát hành cho cán bộ chủ chốt của công ty với số lượng 339.200 cổ phiếu và giá chào bán theo mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phiếu) năm 2011 trong điều kiện thị trường chứng khoán chưa khởi sắc mạnh mẽ cũng như các điều kiện lạm phát tăng cao, lãi suất vay ngân hàng thương mại ở mức khá cao sẽ tác động không nhỏ đến thành công của đợt phát hành này.

Tuy nhiên, như đã nêu ở khoản mục các yếu tố rủi ro tác động ở phần đầu của Bản cáo bạch, trong trường hợp số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư từ chối mua còn lại sẽ được phân phối tiếp cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở hợp đồng tư vấn chào bán tiếp số lượng cổ phiếu còn lại (Hợp đồng kinh tế số 02-2011/HĐTV ngày 18/03/2011) với Công ty Chứng khoán Đệ Nhất với giá chào bán không thấp hơn mệnh giá. Hơn nữa, đợt phát hành cổ phiếu lần này theo mệnh giá (10.000 đồng) trong tương quan so sánh với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2011 là hơn 12.000 đồng/01 cổ phiếu được xem là một lợi thế cho sự thành công ty của đợt chào bán. Cũng như trong trường hợp công ty không phát hành hết số lượng 8.380.000 cổ phiếu trong đợt này (nếu có), trong trường hợp này, công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành này cho Dự án Dây chuyền viên nang mềm và phần vốn còn lại sẽ phục vụ cho mục đích tái cấu trúc vốn của công ty.

Từ đó, có thể kết luận là đợt phát hành cổ phiếu lần này của công ty cổ phần Dược Becamex là thành công theo ý kiến đánh giá của tổ chức tư vấn.

**2. Tổ chức kiểm toán**

**Công ty TNHH BDO Việt Nam**

+ Địa điểm: 04 Nguyễn Đình Chiểu, lầu 2, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

+ Điện thoại: 08-2200237

Fax: 08-2200265

+ Email: [bdoafc.hcmc@bdo.vn](mailto:bdoafc.hcmc@bdo.vn)

**IX. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010 và Báo cáo tài chính Quý I/2011
4. Phụ lục IV: Hồ sơ Dự án Dây chuyền sản xuất viên nang mềm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

**Tổ chức phát hành**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**



**PHẠM NGỌC THUẬN**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**TRẦN THIỆN THỂ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM THỊ KHANH**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**LÊ TRUNG HIẾU**

**Tổ chức tư vấn**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT**



**TRẦN THIỆN THỂ**